

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I,
nhiệm kỳ 2025 - 2030

Chủ đề Đại hội: Xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy sức mạnh đoàn kết, truyền thống văn hóa vùng đất Tổ; tiên phong trong đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số; tạo đột phá để phát triển nhanh, bền vững, cùng cả nước tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Phương châm Đại hội: Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ, nhiệm kỳ 2025 - 2030 được tổ chức vào thời điểm có ý nghĩa quan trọng, là Đại hội đầu tiên sau hợp nhất 03 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, sâu rộng công cuộc đổi mới, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, vững vàng bước vào Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; thực hiện thắng lợi, toàn diện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập (1930 - 2030). Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 sẽ xem xét, quyết định những chủ trương, định hướng lớn phù hợp với chủ trương, định hướng của Trung ương và yêu cầu thực tiễn của tỉnh, đáp ứng sự kỳ vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của 03 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình trước hợp nhất và tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất diễn ra trong bối cảnh, tình hình có nhiều thời cơ, thuận lợi: Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; thể chế, chính sách tích cực được hoàn thiện; sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính tinh, gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; các khâu đột phá chiến lược, động lực tăng trưởng được thúc

đẩy; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; Đảng bộ, chính quyền các cấp quyết tâm, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Bên cạnh những thuận lợi, còn nhiều khó khăn, thách thức đặt ra như: Tình hình thế giới có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, đặc biệt là đại dịch Covid-19, chiến tranh thương mại, chính sách thuế của các nước lớn và những thay đổi mang tính thời đại. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh đã ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, đời sống người dân, hậu quả kéo dài nhiều năm. Công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ ở một số nơi còn thiếu sót, thậm chí có sai phạm; một bộ phận cán bộ, công chức có tâm lý lo ngại, sợ trách nhiệm sau các đợt kiểm tra, điều tra, xử lý kỷ luật..., ảnh hưởng đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh, nhất là phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo kịp thời của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân của 03 tỉnh trước đây và tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất đã phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được đẩy mạnh, góp phần tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội

Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với thực tiễn. Kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, những vướng mắc ở cơ sở để định hướng dư luận xã hội. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ; tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong xã hội và niềm tin trong Nhân dân. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trên không gian mạng có chuyển biến rõ nét, góp phần kịp thời định hướng dư luận xã hội. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bài bản Nghị quyết, Kết luận Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác kịp thời, tác động tích cực đến đời sống chính trị xã hội¹.

¹ Một số kết quả nổi bật trước khi hợp nhất: (1) Phú Thọ: Chỉ đạo tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị chuyên sâu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; biên soạn, phát hành “Bản tin Sinh hoạt chi bộ”, “Bản tin tuyên truyền viên”, “Bản tin phục vụ lãnh đạo chủ chốt”; công tác tuyên truyền về truyền thống lịch sử, văn hóa, yêu nước gắn với Lễ hội Đền Hùng và phong trào thi đua yêu nước được triển khai sâu rộng; (2) Vĩnh Phúc: Đổi mới mạnh mẽ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng thông qua ứng dụng công nghệ số; tổ chức nhiều hội thi, cuộc vận động sáng tạo như “Những tấm

1.2. Công tác tổ chức xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng

Tổ chức thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ các chủ trương, quyết sách của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp và đưa vào vận hành chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025. Công tác cán bộ được thực hiện dân chủ, công khai, chặt chẽ, đúng quy trình theo phương châm “động” và “mở”, “có vào, có ra”, “có lên, có xuống”. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ gắn với chức danh và quy hoạch, sử dụng cán bộ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, thẩm tra, thẩm định tiêu chuẩn chính trị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Quản lý chặt chẽ, thống nhất biên chế của hệ thống chính trị; đội ngũ cán bộ từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm, nhất là thực hiện hiệu quả mô hình “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt”; tỷ lệ đảng viên, tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân hằng năm đạt trên 90%. Công tác bồi dưỡng, tạo nguồn và phát triển đảng viên được chú trọng². Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhất là các chính sách sau sắp xếp bộ máy.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, từng bước siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng

Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát được nâng lên, đi vào chiều sâu và đạt nhiều kết quả tích cực. Gắn kết chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng với tự phê bình, phê bình và tuân thủ pháp luật Nhà nước. Tăng cường phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác giám sát của Hội đồng nhân dân, hoạt động của các cơ quan thanh tra và các cơ quan tư pháp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí và Nhân dân trong phản ánh, phát hiện các vi phạm. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm được ban hành sát tình hình thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm. Chú trọng kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với những địa bàn, lĩnh vực dễ nảy sinh tiêu cực, những vấn đề phức tạp được cán bộ, đảng viên và dư luận Nhân dân quan tâm, phản ánh³. Việc xử lý nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân, đảng viên suy thoái, vi phạm kỷ luật đã có tác dụng giáo dục, cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe

gương điển hình học tập và làm theo Bác”; mô hình “Mỗi đảng viên là một tấm gương học Bác” trong cán bộ, công chức; (3) Hòa Bình: Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục chính trị tư tưởng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thông qua những mô hình “Dân vận khéo”, gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại cơ sở.

² Toàn Đảng bộ tỉnh kết nạp được 31.565 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 6.313 đảng viên. Trong đó, Phú Thọ: Kết nạp được 11.048 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 2.210 đảng viên; Vĩnh Phúc: Kết nạp được 11.203 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp 2.240 đảng viên, đặc biệt phát triển được 11 tổ chức đảng và kết nạp được 320 đảng viên trong doanh nghiệp FDI; Hòa Bình: Kết nạp được 9.316 đảng viên, bình quân mỗi năm kết nạp được 1.896 đảng viên.

³ Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra đối với 22.811 lượt tổ chức đảng và 10.424 đảng viên, trong đó kiểm tra đối với 787 tổ chức đảng và 1.834 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Giám sát chuyên đề đối với 10.564 lượt tổ chức đảng và 16.485 đảng viên. Cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ đã xem xét, thi hành kỷ luật theo thẩm quyền đối với 88 tổ chức đảng và 3.400 đảng viên.

và ngăn chặn tiêu cực. Tập trung khắc phục các vi phạm, khuyết điểm đã được chỉ ra theo kết luận kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Công tác luân chuyển cán bộ kiểm tra các cấp được các cấp ủy quan tâm đẩy mạnh.

1.4. Công tác dân vận của hệ thống chính trị tiếp tục đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở

Phát huy hiệu quả vai trò của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Công tác dân vận chính quyền được tăng cường, hướng đến phục vụ, vì lợi ích của Nhân dân. Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân được duy trì nền nếp, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của công dân. Công tác dân vận của lực lượng vũ trang tiếp tục được duy trì, kết hợp hài hòa giữa nhiệm vụ của ngành với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo được chú trọng, phát huy vai trò người uy tín cốt cán tôn giáo, chủ động giải quyết những vấn đề phát sinh. Triển khai thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” gắn với phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội địa phương⁴.

1.5. Công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, toàn diện

Lãnh đạo thực hiện đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với quyết tâm chính trị cao, không ngừng nghỉ, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Quan tâm kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đối với các tổ chức đảng⁵. Lãnh đạo các cơ quan chức năng chủ động phát hiện, xử lý nhiều vụ án về kinh tế, tham nhũng⁶. Tập trung chỉ đạo giải quyết các vụ việc, tình hình phức tạp nổi lên ở địa phương; tăng cường bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tổ chức kiểm tra, rà soát việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra về kinh tế - xã hội, các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn thư; thực hiện nghiêm quy định của Đảng về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, thi hành án.

⁴ Phú Thọ: Kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc ngay từ cơ sở; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Vĩnh Phúc: Xuất hiện nhiều mô hình điển hình hiệu quả, có sức lan tỏa trong Nhân dân như phong trào xây dựng nông thôn mới, cải tạo hệ thống cống, rãnh tại các khu dân cư, xây dựng Làng văn hóa kiểu mẫu; Hòa Bình: Chú trọng công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa; phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn.

⁵ 18 cuộc kiểm tra, giám sát đối với 39 tổ chức đảng.

⁶ Toàn tỉnh phát hiện, xử lý 780 vụ, 1.355 đối tượng vi phạm các quy định của pháp luật về kinh tế, tham nhũng, trong đó có 187 vụ, 410 đối tượng tội phạm về tham nhũng. Tòa án nhân dân hai cấp xét xử 182 vụ án, 461 bị cáo án tham nhũng.

1.6. Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới

Thực hiện nghiêm quy định về nhiệm vụ, thẩm quyền, nội dung, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của cấp ủy theo các quy định mới của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Tiếp tục đổi mới phương pháp, phong cách, lề lối làm việc của các cấp ủy, chính quyền, bảo đảm khoa học, dân chủ, bám sát thực tiễn, chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức, cá nhân trong hệ thống chính trị; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; mở rộng hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến, giảm hội họp không cần thiết⁷.

1.7. Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục được đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động của Quốc hội, đặc biệt là thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng pháp luật và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Thường xuyên tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, chính sách pháp luật tại địa phương và các chuyên đề được cử tri quan tâm⁸. Hoạt động tiếp xúc cử tri có nhiều đổi mới thiết thực. Thực hiện tốt chức năng tiếp nhận, chuyển đơn thư và đôn đốc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng, vai trò là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương; kịp thời ban hành nhiều cơ chế, chính sách theo thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh⁹. Thông qua hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, giám sát, tiếp xúc cử tri đã giải quyết kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân¹⁰.

Ủy ban nhân dân các cấp bám sát nhiệm vụ cấp ủy, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân để tổ chức thực hiện. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Hoạt động chỉ đạo, điều hành có nhiều đổi mới, tập trung vào các nhiệm vụ lớn, quan trọng. Chủ động phân cấp, phân quyền gắn với đôn đốc, thanh tra, kiểm tra; tích cực xử lý những vấn đề mới phát sinh và giải quyết các tồn đọng kéo dài.

⁷ Kết quả nổi bật trong đổi mới phương thức lãnh đạo: (1) Lựa chọn nội dung trọng tâm, ưu tiên để ban hành nghị quyết chuyên đề sát với thực tiễn, đảm bảo tính khả thi, cân đối nguồn lực để thực hiện gắn liền với nâng cao đời sống Nhân dân; (2) Cấp ủy thực hiện phân công công tác cụ thể, cá thể hóa trách nhiệm từng đồng chí cấp ủy, phát huy vai trò nêu gương, sáng tạo, tinh thần chủ động của cán bộ lãnh đạo; dành nhiều thời gian cho công tác chỉ đạo, kiểm tra tình hình ở cơ sở; (3) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, kiểm tra, giám sát cấp ủy viên cùng cấp với phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”; (4) Phát huy dân chủ, tổ chức tốt việc lấy ý kiến tập thể trong ban hành chủ trương lớn; (5) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, chỉ đạo.

⁸ Đoàn ĐBQH tỉnh đã tổ chức 56 cuộc giám sát.

⁹ HĐND tỉnh đã ban hành trên 1.321 nghị quyết, trong đó có 33 nghị quyết đặc thù.

¹⁰ HĐND tỉnh đã tổ chức 207 lượt chất vấn và 250 cuộc giám sát.

1.8. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường đồng thuận xã hội

Triển khai tích cực các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, có tác dụng lan tỏa sâu rộng, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết, niềm tin và khát vọng vươn lên như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững”. Tổ chức phát động ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19, xây dựng nhà Đại đoàn kết, hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát, hỗ trợ người dân khi bị thiên tai, hoạn nạn¹¹. Hoạt động giám sát được quan tâm thực hiện¹²; chủ động tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, phản biện xã hội đối với dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự đồng thuận trong xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

2. Phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường đạt nhiều kết quả quan trọng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt 7,5%/năm¹³; cao hơn giai đoạn 2016 - 2020 (7,0%/năm) và cao hơn bình quân chung của cả nước (6,3%/năm). Quy mô kinh tế tăng nhanh, năm 2024 đạt 354,6 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 6 cả nước và dự kiến năm 2025 đạt 390 nghìn tỷ đồng (gấp 1,56 lần so năm 2020). GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 105,2 triệu đồng, tăng 1,48 lần so năm 2020¹⁴. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, ước đến hết năm 2025, tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 86,8% và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 13,2% (tỷ trọng năm 2020 lần lượt là 82,7% và 17,3%). Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 5,76%/năm.

Công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân tăng trên 10,6%/năm, cao hơn giai đoạn 2016 - 2020 (9,7%/năm) và cao hơn bình quân chung của cả nước (6,3%/năm), ước tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt 41,5%.

Dịch vụ phát triển ổn định, tăng trưởng bình quân ước đạt 7,0%/năm¹⁵, cao hơn giai đoạn 2016 - 2020 (6,6%/năm). Giá trị xuất khẩu tăng nhanh, năm 2025 ước đạt 36,8 tỷ USD (gấp 2,2 lần so năm 2020), chiếm 8,5% giá trị xuất khẩu cả nước¹⁶. Du lịch ngày càng thu hút nhiều khách du lịch¹⁷, điểm nhấn là Khu du lịch Tam Đảo

¹¹ Mặt trận Tổ quốc các cấp của 03 tỉnh đã huy động được 982 tỷ đồng.

¹² Mặt trận Tổ quốc các cấp của 03 tỉnh đã thực hiện 9.541 cuộc.

¹³ Phú Thọ: 8,2%/năm; Vĩnh Phúc: 7,5%/năm; Hòa Bình: 6,68%/năm.

¹⁴ Phú Thọ: 75,9 triệu đồng; Vĩnh Phúc: 153 triệu đồng; Hòa Bình: 90 triệu đồng.

¹⁵ Phú Thọ: 6,3%/năm; Vĩnh Phúc: 7,5%/năm; Hòa Bình: 8,5%/năm.

¹⁶ Phú Thọ: 16 tỷ USD; Vĩnh Phúc: 18,5 tỷ USD; Hòa Bình: 2,3 tỷ USD.

¹⁷ Năm 2025 ước đón 14,5 triệu lượt, doanh thu từ khách du lịch đạt 15 nghìn tỷ đồng, so với năm 2020 gấp 2,9 lần về lượt khách và 3,2 lần về doanh thu.

trở thành khu du lịch quốc gia thứ 7 của cả nước, thị trấn Tam Đảo được vinh danh là “Thị trấn du lịch hàng đầu thế giới” và thu hút được một số dự án có quy mô lớn¹⁸.

Sản xuất nông nghiệp dịch chuyển theo hướng an toàn, tập trung, nâng cao giá trị sản phẩm¹⁹; tăng trưởng bình quân ước đạt 3,6%/năm²⁰. Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật; dự kiến hết năm 2025, có 73/133 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 54,88%), có 06/133 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (đạt 4,5%)²¹; có 704 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

Thu ngân sách nhà nước đạt khá, tổng thu 5 năm đạt gần 245 nghìn tỷ đồng (bình quân hằng năm đạt 49 nghìn tỷ đồng), năm 2025 đạt khoảng 52 nghìn tỷ đồng²². Điều hành nhiệm vụ chi ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Hoạt động tín dụng ổn định, tăng trưởng bình quân đạt 12,9%/năm. Quản lý, sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn đầu tư công, cơ bản khắc phục đầu tư dàn trải, tỷ lệ giải ngân vốn hằng năm đạt trên 95% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được cải thiện, nhiều công trình trọng điểm được khởi công, hoàn thành²³; trong đó hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số phát triển nhanh²⁴. Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực, có 12,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, nâng số hiện có lên 37,5 nghìn doanh nghiệp²⁵, chiếm gần 4% số doanh nghiệp cả nước; phát triển thêm trên 1 nghìn hợp tác xã.

Thu hút đầu tư đạt kết quả khả quan, ước 5 năm thu hút được 596 dự án DDI với số vốn đăng ký trên 171 nghìn tỷ đồng và 230 dự án FDI với vốn đăng ký trên 3,5 tỷ USD. Huy động nguồn lực cho đầu tư tăng trưởng khá, đạt gần 599 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 13,6%/năm. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS) nhiều năm liền ở nhóm khá của cả nước²⁶. Xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến được quan tâm²⁷.

¹⁸ Một số dự án hoàn thành: Tổ hợp hotel và resort nghỉ dưỡng khoáng nóng 5 sao Wyndham Thanh Thủy, Sân golf Văn Lang Empire, Tổ hợp khách sạn và trung tâm hội nghị quốc tế FLC Vĩnh Phúc, Tuyến cáp treo Hương Bình, Khu du lịch sinh thái Ngòi Hoa, Sân golf Kỳ Sơn...

¹⁹ Đã hình thành một số vùng chuyên canh: Lúa diện tích trên 56 nghìn ha; rau 4,2 nghìn ha; cây ăn quả 15,6 nghìn ha. Chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại: Đàn lợn 454,4 nghìn con, đàn gà 5,3 triệu con, đàn bò 13,9 nghìn con. Có 3,9 nghìn ha được cấp chứng nhận VietGAP; 153 ha chứng nhận GlobalGAP; 1,9 nghìn ha chứng nhận RA; 108,6 ha chứng nhận hữu cơ và đã cấp 732 mã vùng trồng với tổng diện tích 9,1 nghìn ha. Hình thành 219 chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu bưởi, chuối; chăn nuôi bò sữa.

²⁰ Phú Thọ: 3,6%/năm; Vĩnh Phúc: 3,0%/năm; Hòa Bình: 4,0%/năm.

²¹ Trước hợp nhất 03 tỉnh có 13/32 đơn vị cấp huyện hoàn thành, đạt chuẩn nông thôn mới; có 298/397 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 90/397 xã đạt nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

²² Thu từ sản xuất kinh doanh đạt 215 nghìn tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 32 nghìn tỷ đồng. Thu NSNN bình quân hằng năm của các tỉnh: Phú Thọ trên 9,2 nghìn tỷ đồng, Vĩnh Phúc trên 33,4 nghìn tỷ đồng, Hòa Bình 6,4 nghìn tỷ đồng.

²³ Trường THPT Trần Phú, THCS Tô Hiệu; Nhà văn hóa nghệ thuật Phú Thọ; cầu vượt đường sắt Vĩnh Yên; cầu Phong Châu mới; đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Cải tạo, mở rộng Quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì; cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Xuân Mai - Hòa Bình; đường dây 500KV Lào Cai - Vĩnh Yên; Thủy điện Hòa Bình mở rộng...

²⁴ Có 05 nhà cung cấp dịch vụ điện thoại và 05 nhà cung cấp dịch vụ Internet. Mạng thông tin di động 4G phủ sóng toàn tỉnh đạt 100%; phát sóng thông tin di động 5G tại các đô thị lớn; tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh ước đạt 87,5%.

²⁵ Phú Thọ: 13.600 doanh nghiệp, Vĩnh Phúc: 18.303 doanh nghiệp, Hòa Bình: 5.400 doanh nghiệp.

²⁶ Chỉ số PCI 2024: Phú Thọ xếp thứ 8/63, Vĩnh Phúc xếp thứ 25/63 (ngoài ra có 9 năm nằm trong top 10 cả nước); Hòa Bình xếp thứ 53/63. Chỉ số SIPAS năm 2024: Phú Thọ xếp thứ 18/63, Vĩnh Phúc xếp thứ 33/63, Hòa Bình 25/63.

²⁷ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 85,6% (Phú Thọ đạt 81,7%, Vĩnh Phúc đạt 89%; Hòa Bình đạt 88,7%); tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn hằng năm đạt trên 99%.

Lập, quản lý và thực hiện quy hoạch được đổi mới²⁸. Diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 30,1% (tăng khoảng 6% so năm 2020); có 01 đô thị loại I (thành phố Việt Trì), 02 đô thị loại II (Vĩnh Yên, Hòa Bình), 02 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV và 53 đô thị loại V. Quản lý và sử dụng tài nguyên được tăng cường, nhất là đất đai, khoáng sản; chú trọng bảo vệ môi trường, đặc biệt tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung, khu dân cư. Tích cực thực hiện công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số được quan tâm. Nhiều đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng đã gắn với hoạt động sản xuất và đời sống, tạo ra sản phẩm mới có năng suất, chất lượng cao, nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và sức cạnh tranh²⁹.

3. Văn hóa, xã hội và con người có nhiều tiến bộ

Các hoạt động, sản phẩm văn hóa ngày càng đa dạng, phong phú. Di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, bản sắc văn hóa của các dân tộc được bảo tồn, phát huy, gắn kết với phát triển du lịch³⁰. Các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm xây dựng, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của Nhân dân. Các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống được tổ chức thường xuyên, lan tỏa không gian văn hoá vùng đất Tổ, người Việt cổ. Phong trào văn hóa cơ sở, thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh; nhiều giải thể thao cấp quốc tế, quốc gia được đăng cai, tổ chức thành công. Báo chí, truyền thông tích cực chuyển đổi số, đa dạng hóa nền tảng, đáp ứng nhu cầu công chúng; hoàn thành việc sắp xếp Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình.

Giáo dục đào tạo tiếp tục được đổi mới theo hướng căn bản, toàn diện. Chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn được đánh giá cao³¹, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 84,2%³². Chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên, tiệm cận với xu hướng phát triển của cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 73,3%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,6%³³.

Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh có bước phát triển tích cực, chất lượng được nâng lên. Tỷ lệ bác sĩ, giường bệnh trên 1 vạn

²⁸ Hoàn thành việc lập Quy hoạch tỉnh theo hướng tích hợp.

²⁹ Giai đoạn 2021- 2025 đã huy động 684 tỷ đồng (vốn ngoài ngân sách 299 tỷ đồng) triển khai 435 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng 365 mô hình, tư vấn chuyển giao 281 quy trình công nghệ tiên tiến và 80 bộ giải pháp. Một số mô hình ứng dụng đã đem lại hiệu quả như: Công nghệ tự động hóa sản xuất nấm đùi gà; công nghệ nuôi cấy mô tế bào; kỹ thuật thủy canh, canh tác trên giá thể không đất; sản xuất Nano đồng trùng hạ thảo và sản phẩm thực phẩm bổ sung; bảo chế hỗn dịch khí dung Budesonide điều trị hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính,...

³⁰ Hiện có 182 di tích quốc gia, 792 di tích cấp tỉnh, 2.231 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó, có 05 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, 53 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

³¹ Kết quả thi trung học phổ thông: Tỉnh Phú Thọ liên tiếp duy trì top 10 cả nước; tỉnh Vĩnh Phúc 2 năm liên tiếp đứng vị trí số 1 cả nước.

³² Phú Thọ: 95,9%, Vĩnh Phúc: 89,9%, Hòa Bình: 60,8%.

³³ Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận): Phú Thọ 72% (36,1%); Vĩnh Phúc 82% (40%); Hòa Bình 64,5% (24%).

dân đạt 13,86 bác sĩ và 45,83 giường bệnh³⁴, tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,1%. Năng lực hoạt động y tế ở cơ sở được tăng cường, 94,8% trạm y tế xã có bác sĩ. Xã hội hóa trong khám, chữa bệnh được đẩy mạnh; nhiều bệnh viện, phòng khám, cơ sở khám, chữa bệnh tư nhân được thành lập mới, hoạt động hiệu quả, góp phần đa dạng hóa các dịch vụ y tế và giảm tải cho các bệnh viện công lập³⁵.

An sinh xã hội, phúc lợi xã hội được quan tâm. Công tác giảm nghèo được triển khai hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh³⁶. Nhiều chính sách phúc lợi xã hội mang đậm tính nhân văn, được Nhân dân đồng tình hưởng ứng³⁷. Đời sống của người dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 4,7 triệu đồng/tháng (tăng 37% so năm 2020). Chính sách đối với người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tích cực triển khai các giải pháp bảo đảm việc làm, bình quân mỗi năm tạo việc làm mới cho 58 nghìn lao động, duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp từ 1% - 1,6%, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm xuống 22,5%. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Huy động trên 2.655 tỷ đồng triển khai các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày một khởi sắc, đời sống cho người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa từng bước cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi giảm bình quân 1,4%/năm, thu nhập bình quân tăng 1,8 lần so năm 2020; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn, phát huy.

4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế, liên kết phát triển vùng đạt nhiều kết quả, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

4.1. Quốc phòng an ninh được bảo đảm, ổn định

Thực hiện toàn diện, hiệu quả các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành các chương trình, kế hoạch của tỉnh. Tiềm lực, lực lượng quốc phòng được củng cố. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Lực lượng vũ trang được xây dựng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hằng năm. Chủ động

³⁴ Phú Thọ số bác sĩ/1 vạn dân đạt 15,3 bác sĩ, số giường bệnh/1 vạn dân đạt 55,5 giường bệnh; Vĩnh Phúc số bác sĩ/1 vạn dân đạt 16,3 bác sĩ, số giường bệnh/1 vạn dân đạt 52 giường bệnh; Hòa Bình số bác sĩ/1 vạn dân đạt 10 bác sĩ, số giường bệnh/1 vạn dân đạt 30 giường bệnh.

³⁵ Phú Thọ có 03 bệnh viện ngoài công lập, 348 phòng khám tư nhân; Vĩnh Phúc có 5 bệnh viện ngoài công lập, 503 phòng khám tư nhân; Hòa Bình có 01 bệnh viện ngoài công lập, 204 phòng khám tư nhân.

³⁶ Phú Thọ: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 0,63%; đến năm 2025 giảm còn 0,4%. Vĩnh Phúc: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 0,26%; đến năm 2025 giảm còn 0,03%. Hòa Bình: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 2,45%; đến năm 2025 giảm còn 1,25%.

³⁷ Hỗ trợ người tham gia bảo hiểm y tế; hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông và học sinh học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông,...

phối hợp với Quân khu 2, Quân khu 3 điều chỉnh quy hoạch thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ gắn với xây dựng quy hoạch tỉnh. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh và đối ngoại. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng thủ dân sự; công tác quản lý đất quốc phòng; công tác xây dựng các công trình phòng thủ, công trình chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, doanh trại, trụ sở làm việc của ban chỉ huy quân sự cấp xã; các chính sách đối với lực lượng vũ trang và hậu phương quân đội.

An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các chủ trương, giải pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Bộ máy công an nhân dân được sắp xếp, tinh gọn, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. An ninh kinh tế được tăng cường, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được tăng cường; triệt phá nhiều ổ, nhóm tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế, tham nhũng, công nghệ cao, buôn lậu; nhiều đường dây, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được đổi mới mạnh mẽ theo hướng chuyển đổi số. Khai thác tốt cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh, xác thực điện tử. Tích cực, chủ động tham gia tuyến đầu trong công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai nghiêm túc, có hiệu quả.

4.2. Hoạt động đối ngoại ngày càng thực chất, hiệu quả, phù hợp tình hình mới; liên kết vùng được coi trọng

Các hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh và chính sách thu hút đầu tư được tiến hành thường xuyên. Tổ chức nhiều đoàn xúc tiến đầu tư nước ngoài mang lại hiệu quả thiết thực; đón tiếp chu đáo các đoàn khách nước ngoài, kiều bào đến thăm và làm việc tại tỉnh. Hoạt động ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh theo tinh thần Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước, đóng góp tích cực vào kết quả thu hút đầu tư, thương mại, du lịch, viện trợ nước ngoài³⁸. Hoạt động ngoại giao văn hóa được triển khai đa dạng, góp phần quảng bá bản sắc văn hóa truyền thống và con người đến bạn bè trong nước và quốc tế. Tiếp tục duy trì, mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị với các địa phương của Lào, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Italia, Bungari và Mông Cổ.

Phát huy tích cực vai trò thành viên Hội đồng điều phối vùng. Chủ động tham gia liên kết, phối hợp với các địa phương trong vùng đề xuất Trung ương xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển. Tăng cường hợp tác với các địa phương

³⁸ Thu hút dự án Tổ hợp trang trại và nhà máy chế biến thịt bò Vinabeef Tam Đảo, do Vinamilk, Vilico và Sojitz đầu tư với số vốn 500 triệu USD thông qua kênh hợp tác hữu nghị với tỉnh Tochigi (Nhật Bản), thu hút khoảng 360 triệu USD thông qua kênh hợp tác hữu nghị với tỉnh Chungcheongbuk (Hàn Quốc),...

lân cận triển khai lập quy hoạch tỉnh, đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết vùng³⁹, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

5. Nguyên nhân của những thành tựu đạt được

Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ có: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương bạn. Tinh thần đoàn kết, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ 03 tỉnh trước đây và của tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất. Công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch được thực hiện đồng bộ; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; tiềm năng, lợi thế, nguồn lực được khai thác hiệu quả hơn. Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Ý chí tự lực, tự cường, tinh thần vượt khó được khơi dậy mạnh mẽ.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Hạn chế, yếu kém

1.1. Về phát triển kinh tế: Còn một số chỉ tiêu kinh tế chưa đạt mục tiêu Đại hội đề ra⁴⁰. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ đột phá còn hạn chế. Động lực tăng trưởng chưa bền vững, năng suất lao động chưa cao, dư địa tăng trưởng chưa được khai thác hiệu quả. Chất lượng tăng trưởng cải thiện chậm, phụ thuộc chủ yếu vào một số sản phẩm chủ lực, đóng góp của khu vực đầu tư nước ngoài; tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế còn thấp.

1.2. Về tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực: Hệ thống cơ chế, chính sách, quy định chưa đồng bộ; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Kết cấu hạ tầng ở một số khu vực còn phân tán, thiếu kết nối, nhất là giao thông liên tỉnh và logistics trung chuyển. Giải phóng mặt bằng vẫn là “điểm nghẽn”, ảnh hưởng đến tiến độ nhiều dự án. Huy động, phân bổ nguồn lực còn hạn chế; chưa thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt. Cơ chế phối hợp với các địa phương lân cận chưa thực sự hiệu quả, thiếu tính tích hợp và tầm nhìn dài hạn.

1.3. Về phát triển văn hóa, xã hội và con người: Văn hóa chưa thực sự trở thành nguồn lực, sức mạnh nội sinh; công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa phát triển chưa tương xứng tiềm năng; môi trường văn hóa chưa thực sự lành mạnh. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực chính cho phát triển. Chất lượng đào tạo nghề chưa theo kịp thị trường lao động. Ô nhiễm môi trường chưa được kiểm soát hiệu quả. Khả năng ứng phó, giảm thiểu tác hại của thiên tai và biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Quản lý, sử dụng tài nguyên, môi trường còn bất cập. Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn ở mức cao.

³⁹ Vĩnh Phúc phối hợp với TP Hà Nội triển khai dự án cầu Vân Phúc qua sông Hồng, với tỉnh Thái Nguyên triển khai đường vành đai 5 - vùng Thủ đô; Vĩnh Phúc, Phú Thọ phối hợp xây dựng cầu Vĩnh Phú qua sông Lô;...

⁴⁰ Một số chỉ tiêu chưa đạt là: Tốc độ tăng GRDP (Hòa Bình, Vĩnh Phúc), thu ngân sách (Hòa Bình)...

1.4. Về quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội: Bảo đảm quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế - xã hội trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa được chú trọng đúng mức. Tình hình an ninh trật tự ở một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Nắm tình hình, xử lý các vấn đề an ninh trật tự ở cơ sở có việc chưa chặt chẽ, chưa kịp thời. Tội phạm liên quan đến công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp.

1.5. Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị: Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở một số cơ quan, đơn vị còn chưa thực sự ngang tầm với nhiệm vụ. Xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên ở doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước còn nhiều khó khăn. Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở một số nơi còn hình thức. Nội dung, chất lượng sinh hoạt Đảng, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, chất lượng kiểm tra, giám sát, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ở một số cấp ủy chưa hiệu quả. Cải cách hành chính, đổi mới phong cách, lề lối làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong Đảng còn chậm. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có việc còn lúng túng, chưa thực chất. Một số cán bộ, đảng viên bị xử lý kỷ luật và xử lý hình sự.

2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan: Tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn. Một số chính sách, quy định của pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa sát thực tế. Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

2.2. Nguyên nhân chủ quan: Chưa khai thác hết các tiềm năng, lợi thế. Dự báo, nhận định tình hình chưa sát với thực tế, chưa lường hết những khó khăn, thách thức mới phát sinh. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi chưa quyết liệt, chưa sáng tạo. Nhiều yếu kém, bất cập tích tụ từ trước chưa được xử lý triệt để, gây hệ lụy kéo dài. Phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa kịp thời. Tinh thần, trách nhiệm của một số người đứng đầu và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ chưa cao, có tình trạng né tránh, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm. Người đứng đầu một số cấp ủy, chính quyền chưa thể hiện vai trò tiên phong, thiếu gương mẫu, thiếu tu dưỡng phẩm chất đạo đức; mất đoàn kết nội bộ, có biểu hiện cục bộ địa phương, phe cánh, suy thoái về đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, mặc dù còn có một số hạn chế, bất cập, thiếu sót nhưng Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc 03 tỉnh trước hợp nhất và tỉnh Phú Thọ hiện nay đã phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, quyết tâm phấn đấu, luôn bám sát, chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; xác định đúng và trúng các khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ các tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; ban hành nhiều cơ chế, chính sách phù hợp để khai thác, phát huy tiềm năng lợi thế; chủ động, sáng tạo triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ,... từ đó đạt nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu Đại hội đặt ra.

(Chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo).

Ngay sau khi hợp nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thể hiện quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn và hành động quyết liệt để hoàn thành hiệu quả khối lượng công việc rất lớn theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, tạo không khí vui tươi, phấn khởi, niềm tin trong Đảng bộ và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Điểm nhấn quan trọng đó là: Kịp thời ban hành các văn bản quan trọng để vận hành hiệu quả. Bố trí đủ nhân sự chủ chốt của tổ chức bộ máy các cấp theo quy định, đi vào hoạt động ổn định, cơ bản bảo đảm liên thông, đồng bộ. Lãnh đạo các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ 2025 - 2030 sớm nhất cả nước. Kinh tế có nhiều khởi sắc, tốc độ tăng trưởng ước đạt 10,09%, đứng thứ 6 cả nước; thu ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2025 đã đạt 100% dự toán Trung ương giao. Nhiều dự án lớn, trọng điểm được khởi công, khánh thành. Là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước hoàn thành tiêu chí bảo đảm Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động hiệu quả và luôn duy trì trạng thái xanh bền vững. Hoàn thành chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát,...

2. Thành tựu, tiềm lực, vị thế của Phú Thọ sau 40 năm đổi mới

Qua 40 năm đổi mới (1986 - 2025), Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân 03 tỉnh trước đây và tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất đã đạt thành tựu to lớn, toàn diện, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển đất nước, thể hiện tính ưu việt của con đường cách mạng do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị luôn được ưu tiên, nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh chính trị. Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được tinh gọn, hiệu quả. Kinh tế chuyển từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tiên phong trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh mẽ, nhiều tập đoàn lớn trên thế giới đã đầu tư tại tỉnh và hoạt động có hiệu quả. Chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, từ sản xuất công nghiệp truyền thống (dệt, giấy, hóa chất, phân bón) sang sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao hơn (ô tô, xe máy,

linh kiện điện tử). Kết cấu hạ tầng thiết yếu được nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại. Văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ có nhiều tiến bộ nổi trội. An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, đối ngoại và hợp tác quốc tế ngày càng mở rộng.

Sau hợp nhất 03 tỉnh, vị thế phát triển của Phú Thọ tiếp tục được nâng lên, diện tích tự nhiên đứng thứ 15 cả nước, dân số đứng thứ 11 cả nước, quy mô GRDP đứng thứ 06 cả nước và đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc, là cầu nối giữa vùng Thủ đô và vùng Tây Bắc rộng lớn, dư địa và không gian phát triển còn nhiều,... đã mở ra cơ hội thuận lợi cho tỉnh phát triển mạnh mẽ, bứt phá trong thời gian tới.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là: Chú trọng làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thường xuyên đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp gương mẫu, đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân. Cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Hai là: Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và hệ thống chính trị; mở rộng, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan Đảng, chính quyền, Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ba là: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải xác định rõ mục tiêu, có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo; đề ra phương hướng, mục tiêu cao để phấn đấu, các nhiệm vụ, giải pháp cần có tầm nhìn dài hạn, toàn diện; chú trọng tổng kết thực tiễn, nhân rộng các điển hình, nhân tố mới; bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là: Dựa vào dân, phát huy quyền dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của Nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của Nhân dân; phải đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Thực hiện nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

Năm là: Khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh để phát triển; tranh thủ tốt tiềm lực bên ngoài nhưng phải dựa vào nội lực là chính. Quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm an sinh xã hội; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đối với người nghèo, các đối tượng chính sách, đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phần thứ hai
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
NHIỆM KỲ 2025 - 2030

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

1. Dự báo tình hình thế giới tiếp tục có sự chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường; chủ nghĩa bảo hộ, áp đặt chính sách thuế quan, nguy cơ chiến tranh thương mại gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu; xung đột, chiến tranh xảy ra ở nhiều khu vực, nguy hiểm hơn, không loại trừ nguy cơ chiến tranh lan rộng. Sự phát triển và ứng dụng rộng rãi của công nghệ mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng đang trở thành xu thế tất yếu, tạo thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, khó khăn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, khó dự báo.

2. Đất nước có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về tư duy phát triển trên tất cả các lĩnh vực; các đột phá chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, cuộc cách mạng về mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị,... đang tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển đột phá mạnh mẽ, đưa đất nước bước vào Kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

3. Tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá, cách mạng, nằm tiếp giáp với thành phố Hà Nội và thuộc vùng Thủ đô. Sau hợp nhất, tỉnh Phú Thọ mở ra cơ hội hình thành một mô hình phát triển đa trung tâm, tích hợp cao, vừa đảm bảo tính kế thừa truyền thống, vừa hướng đến tương lai hiện đại, với nhiều tiềm năng, lợi thế nổi trội như: Không gian phát triển tốt, tiếp giáp với 07 tỉnh, thành phố, nằm trên các hành lang kinh tế lớn của cả nước, đặc biệt là gần Thủ đô Hà Nội, tạo điều kiện tiếp cận thị trường rộng lớn với khoảng 30 triệu dân. Hạ tầng kết nối liên vùng đa dạng (đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, đường thủy nội địa, gần Cảng hàng không quốc tế Nội Bài). Hệ sinh thái tự nhiên phong phú, địa hình đa dạng với nhiều sông lớn chảy qua, nhiều danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử và các khu, điểm du lịch nổi tiếng cả nước. Hội tụ đầy đủ các sắc thái văn hóa đặc trưng của vùng trung du, miền núi và đồng bằng Bắc Bộ. Quy mô, chất lượng giáo dục thuộc nhóm đầu cả nước, cơ cấu dân số trẻ, nguồn lực lao động dồi dào. Đã có hệ sinh thái một số ngành công nghiệp trọng điểm của cả nước. Nhiều khu công nghiệp, khu đô thị mới đã và đang hình thành,... tạo nền tảng cho tỉnh Phú Thọ phát triển toàn diện.

Bên cạnh đó, tỉnh Phú Thọ cũng có không ít những khó khăn, thách thức, hạn chế sau hợp nhất như: Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn phân mảnh, thiếu kết nối

giao thông liên vùng, nội tỉnh; độ mở kinh tế lớn, chất lượng tăng trưởng, thu ngân sách nhà nước chưa thực sự bền vững, phụ thuộc vào khu vực đầu tư nước ngoài; quy mô kinh tế tư nhân còn nhỏ; huy động nguồn lực chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; nhiều tồn tại từ giai đoạn trước phải tập trung giải quyết; trình độ phát triển kinh tế - xã hội, mức sống, chất lượng nguồn nhân lực giữa các vùng miền có sự chênh lệch, khác biệt lớn,... sẽ đặt ra những khó khăn, thách thức trong quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh. Chủ động, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; xác định quyết tâm chính trị cao, thống nhất trong nhận thức, sát sao và quyết liệt trong hành động, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc để hoàn thành cao nhất các mục tiêu đề ra.

2. Lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững. Phát huy sức mạnh văn hoá, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Tiên phong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển xanh, bền vững, toàn diện cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; cân bằng và hài hòa giữa các vùng miền trong tỉnh; mang lại lợi ích, ấm no, hạnh phúc thực chất cho Nhân dân; củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Phú Thọ là một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô; trở thành trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao và tổ chức lễ hội văn hóa lớn gắn với cội nguồn dân tộc; trung tâm tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế tư nhân làm động lực chính. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị. Xã hội phát triển hài hòa, môi trường sinh thái trong lành, chất lượng cuộc sống được nâng lên toàn diện, Nhân dân có thu nhập cao, văn minh, hạnh phúc. Giữ vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng, quốc phòng, an ninh và kết nối vùng.

Đến năm 2045: Phú Thọ là thành phố trực thuộc Trung ương; có hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, xã hội phồn vinh, thịnh vượng; người dân có chất lượng cuộc sống cao, hạnh phúc; nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc; môi trường sinh thái trong lành, đáng sống; quốc phòng, an ninh được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

2. Các chỉ tiêu phát triển chủ yếu đến năm 2030

(1) Quy mô tổng sản phẩm (GRDP) phân đầu cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025. Tốc độ tăng trưởng GRDP theo giá so sánh của giai đoạn 2026 - 2030 phân đầu khoảng 11 - 12%/năm. GRDP bình quân đầu người cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025, phân đầu đạt khoảng 220 - 230 triệu đồng. Đóng góp của nhân tố TFP vào tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 55 - 60%; đóng góp của kinh tế số đạt trên 30% GRDP.

(2) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt trên 910.000 tỷ đồng. Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân trên 10%/năm, đến năm 2030 phân đầu đạt trên 85.000 tỷ đồng. Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên 45.000 doanh nghiệp; tốc độ tăng trưởng bình quân khu vực kinh tế tư nhân trên 12%/năm. Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt từ 0,75 trở lên; tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 80%.

(3) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35 - 40%. Hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội”.

(4) Quy mô dân số dự kiến 4,2 triệu người. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 76 năm; thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 69 năm. Thu nhập bình quân đầu người trên 8,7 triệu đồng/tháng. Chỉ số phát triển con người (HDI) phân đầu đạt 0,78. Chỉ số phát triển và hạnh phúc (VDHI) đạt tối thiểu 85 điểm, thuộc ngưỡng tính phát triển khá cao và hạnh phúc.

(5) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 2,4 triệu người. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt trên 80 - 85%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40 - 45%. Tỷ lệ thất nghiệp từ 0,9 - 1,1%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân trên 12%/năm.

(6) Số bác sĩ/vận dân phân đầu đạt 19 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân đạt 50 giường bệnh. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế phân đầu đạt 100%. Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025).

(7) Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phân đầu đạt trên 85%, trong đó trên 40% số xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao.

(8) Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung phân đầu đạt 100%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn phân đầu đạt trên 95%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn ở khu vực đô thị đạt 100% và ở khu vực nông thôn đạt trên 85%. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%. Tỷ lệ chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 42,5%.

(9) Phần đầu hằng năm: Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%. Tỷ lệ đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%; tỷ lệ kết nạp đảng viên mới đạt từ 3% trở lên/tổng số đảng viên.

(10) Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Đến năm 2030 không còn địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội; phần đầu không để xảy ra các vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản; giảm ít nhất 50% số xã, phường không có ma túy. Giải quyết hiệu quả các phức tạp nảy sinh, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, đơn thư, khiếu kiện phức tạp liên quan tới việc thu hồi đất, đền bù, giải phóng mặt bằng.

(Chi tiết thể hiện tại Phụ lục số II kèm theo)

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng lãng phí, tiêu cực, củng cố niềm tin của Nhân dân.

2. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên phát triển mới. Triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm thông suốt, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

3. Xây dựng mới chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tổng thể của tỉnh bài bản, khoa học, mang tầm nhìn dài hạn; hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng bộ với các chiến lược liên kết Tây Bắc - Hà Nội - Bắc Trung Bộ - hành lang kinh tế Lào - Việt.

4. Tái thiết không gian phát triển đô thị theo hướng mở, gắn với xây dựng các trục cảnh quan, công trình kiến trúc đặc sắc và tăng cường kết nối với các đô thị lớn, trong đó:

- Mở rộng vùng lõi đô thị trung tâm tỉnh theo hướng Việt Trì - Vĩnh Yên (trước đây), kết nối chặt chẽ với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, các đô thị lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Phát triển đô thị hai bên sông Lô, sông Hồng, sông Đà và hai bên tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Lào Cai - Hà Nội qua địa bàn tỉnh, trong đó: Xây dựng mới, chỉnh trang các cầu kết nối qua sông với hình thái kiến trúc đặc sắc. Hình thành các công viên chuyên đề, không gian văn hóa, sáng tạo, nghệ thuật, giải trí và du lịch dọc ven sông. Phát triển đô thị theo chức năng đặc thù như: Đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), đô thị khoa học công nghệ, đô thị du lịch, đô thị công nghiệp,... hai bên đường sắt.

- Hình thành công trình biểu tượng tâm quốc gia trên cơ sở xây dựng “Quần thể văn hóa, tâm linh trở về cội nguồn dân tộc Việt Nam” tại trung tâm đô thị tỉnh để tái hiện lịch sử ngàn năm dựng nước và giữ nước, giới thiệu các đặc trưng văn hóa đặc sắc của tỉnh, gồm các chức năng chính như: Nơi thờ tự các vị vua của tất cả các triều đại Việt Nam; bảo tàng văn hóa, dân tộc; không gian trưng bày và trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể.

5. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân. Phát triển các vùng động lực, hành lang kinh tế trên cơ sở phát huy thế mạnh các khu vực của tỉnh trong một chỉnh thể thống nhất, bổ trợ lẫn nhau. Tập trung cải cách hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tháo gỡ các “điểm nghẽn”, giải phóng các nguồn lực. Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và bình đẳng. Quyết liệt tháo gỡ nút thắt trong giải phóng mặt bằng. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Phát triển văn hóa, nguồn lực con người thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa trở thành ngành kinh tế có thế mạnh của tỉnh. Khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển quê hương. Phát huy giá trị lịch sử gắn với bảo tồn các di sản văn hóa. Tăng cường an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đảm bảo quốc phòng, an ninh và hiệu quả hoạt động đối ngoại.

V. CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính.

2. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tiên phong trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là phát triển nhanh hạ tầng số, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng logistics, hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và hạ tầng đô thị mới.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động thông suốt, hiệu quả

1.1. Coi trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Gương mẫu xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh ngay từ khâu nhận thức của cán bộ, đảng viên. Nghiêm túc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, đoàn kết thống nhất; đề cao tính chiến đấu, tự phê bình và phê bình, gắn liền với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Nâng cao năng lực hoạch

định chủ trương, chính sách phát triển phù hợp với quy luật khách quan, thực tiễn của tỉnh. Phát huy bản lĩnh chính trị, trí tuệ, vai trò nêu gương của cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, cán bộ công tác ở một số lĩnh vực quan trọng, nhạy cảm. Kiên quyết khắc phục những tồn tại, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo từ những năm trước.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, tính thuyết phục trong tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Coi trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, góp phần bổ sung, hoàn thiện định hướng phát triển của tỉnh. Làm tốt công tác dự báo tình hình, chủ động nắm chắc tư tưởng cán bộ, đảng viên, dư luận xã hội, kịp thời định hướng thông tin, xử lý các vấn đề mới, phát sinh.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông, an ninh mạng; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Đẩy mạnh ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Chủ động cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, khách quan để phòng, chống “diễn biến hoà bình”, thông tin xấu, độc trên Internet, mạng xã hội. Phát huy hơn nữa vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật và sự tham gia tích cực của đội ngũ văn nghệ sĩ trên mặt trận tư tưởng.

Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên.

1.2. Tập trung thực hiện tốt công tác tổ chức xây dựng Đảng

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” gắn với cơ cấu lại và xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, nhất là cán bộ chủ chốt và tại cơ sở. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp uỷ các cấp. Ban hành các chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức thực hiện tốt nhiệm vụ khi vận hành mô hình chính quyền mới; đặc biệt chú trọng đến cán bộ làm việc tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng khó khăn.

Tăng cường củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên, nhất là ở xã, thôn, chi bộ. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư. Kiên quyết khắc phục tình trạng hình thức trong sinh hoạt chi bộ, trong đánh giá, xếp loại hàng năm đối với tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên; quan tâm phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, công nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp, khu

vực ngoài nhà nước, người có tôn giáo ở nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm khách quan, dân chủ, thực chất, hiệu quả, nhất là công tác thẩm định, đánh giá cán bộ; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong hệ thống chính trị thực sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá. Phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, làm động lực cho phát triển nhanh, bền vững. Coi trọng và thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo đảm sự đoàn kết, nhất trí và sự trong sạch, vững mạnh của tổ chức. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “cục bộ địa phương”, “lợi ích nhóm”, tiêu cực, tham nhũng trong công tác cán bộ và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ.

1.3. Tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, bảo đảm đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, thực chất, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; tập trung giám sát tổ chức đảng, đảng viên trong thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập của cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý. Đổi mới phương thức kiểm tra từ “bị động” sang “chủ động”; trọng tâm sang giám sát thường xuyên; phát hiện, nhân rộng những điểm sáng, cách làm hiệu quả; chủ động nắm chắc tình hình để phòng ngừa, cảnh báo phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa, ngăn chặn từ gốc vi phạm, không để có “khoảng trống”, “vùng tối”.

Chủ động kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là những nơi có nhiều vấn đề phức tạp, bức xúc, nổi cộm; xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đảm bảo công minh, chính xác theo phương châm “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Chú trọng tự kiểm tra, tự giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm lớn. Làm tốt công tác chuyển đổi số, từng bước thực hiện kiểm tra, giám sát trên dữ liệu.

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân. Xây dựng cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.4. Đổi mới nội dung, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động Nhân dân. Phát huy vai trò, sự tham gia của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách. Tổ chức có hiệu quả, thực chất việc Nhân dân tham gia

giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Thực hiện tốt quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở bảo đảm đồng bộ, hiệu quả. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận của lực lượng vũ trang, củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa quân và dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững chắc. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” và các phong trào thi đua yêu nước trong Nhân dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân.

1.5. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao chất lượng công tác nội chính, cải cách tư pháp

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ; tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa để “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” tham nhũng. Kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm.

Đẩy mạnh công tác nắm bắt tình hình, kịp thời phát hiện những vấn đề phức tạp nổi lên. Chủ động phòng, ngừa, tự giác phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ; xây dựng văn hóa liêm chính, thực hành tiết kiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Triển khai hiệu quả các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, tập trung vào các lĩnh vực dễ nảy sinh tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, trước hết là cán bộ diện cấp ủy quản lý. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo; đặc biệt là giải quyết dứt điểm những vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài và các công trình, dự án chậm tiến độ, hiệu quả thấp, nguy cơ gây thất thoát, lãng phí.

Kịp thời cụ thể hóa, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách tư pháp, bảo đảm các hoạt động tố tụng, tư pháp và hỗ trợ tư pháp đúng pháp luật, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân và không bỏ lọt tội phạm. Nâng cao chất lượng công tác thi hành án, thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt. Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền pháp luật bằng hình thức và ngôn ngữ phù hợp với từng nhóm dân cư; quan tâm chỉ đạo công tác tổ chức thi hành pháp luật theo hướng đề cao công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm pháp luật; xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật.

1.6. Tiếp tục đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo của Đảng

Đổi mới phong cách lãnh đạo của cấp ủy theo hướng linh hoạt, lãnh đạo điều hành hiệu quả thông qua công nghệ, dữ liệu số. Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy đảng ngắn gọn, theo hướng hành động, dễ hiểu, dễ làm, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, dễ đánh giá. Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, khoán sản phẩm theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”. Tiến hành kiểm tra, giám sát chủ động, đi trước một bước để phòng ngừa, răn đe. Tuyên truyền, vận động, nêu gương phải có sức lan tỏa, dẫn dắt, truyền cảm hứng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Nhận thức, tư duy phải đột phá, chiến lược với tầm nhìn “dài, rộng, sâu”; hành động phải quyết liệt, hiệu quả, có sản phẩm cụ thể cân đong đo đếm được, làm việc nào dứt điểm việc đó. Tiên phong về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, xây dựng thành công mô hình “Đảng bộ số” và “Đảng viên số” trên địa bàn tỉnh.

1.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Thực hiện tốt công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thực hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển.

Xây dựng các mô hình quản trị phù hợp với đặc thù của tỉnh; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương theo phương châm “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Đặc biệt quan tâm đến hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm đúng mục tiêu tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp. Tăng cường gắn bó giữa đại biểu với cử tri, tập hợp trí tuệ của cử tri và Nhân dân để đóng góp cho Quốc hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tập trung giám sát những vấn đề cụ thể được cử tri và Nhân dân quan tâm. Công khai hoạt động, kết quả chất vấn, giải trình, giám sát, giải quyết kiến nghị cử tri, tiếp công dân để người dân biết, theo dõi và giám sát.

Đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của Ủy ban nhân dân các cấp. Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chuyển đổi số toàn diện mô hình quản trị nhà nước dựa trên công nghệ

số và dữ liệu số theo thời gian thực. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, hình thành nền hành chính phục vụ Nhân dân. Phân cấp mạnh về quản lý kinh tế - xã hội gắn với phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng các lĩnh vực công tác của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng theo hướng rõ chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo hiệu quả, thiết thực. Nắm chắc tình hình Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo. Thực hiện hiệu quả công tác giám sát, phản biện xã hội; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

2. Phát triển kinh tế, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường, tạo đột phá tăng trưởng nhanh, bền vững

2.1. Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế gắn với ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng; tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và nguồn lực cho phát triển kinh tế. Làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và phát triển mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới. Lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực và nguồn lực chính để phát triển nhanh, bền vững. Triển khai hiệu quả một số mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, năng suất và chất lượng, đưa Phú Thọ trở thành trung tâm công nghiệp lớn của cả nước về công nghiệp ô tô - xe máy, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ cao. Hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai công nghiệp Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ. Phát triển ít nhất 01 khu công nghiệp công nghệ cao tại khu vực Vĩnh Phúc (cũ) để thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mới nổi như: Chíp, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Đa dạng và nâng cao sức cạnh tranh một số sản phẩm công nghiệp chủ lực (linh kiện điện tử; ô tô cao cấp, mô tô và linh kiện phụ tùng; cơ khí chế tạo; chế biến thịt các loại và sữa; chế biến nông, lâm sản, dược phẩm; vật liệu xây dựng mới). Hỗ trợ, thúc đẩy các ngành công nghiệp truyền thống (hóa chất, giấy, vật liệu xây dựng) đổi mới công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Duy trì năng lực sản xuất điện của các dự án điện hiện hữu; tiếp tục đầu tư mở rộng, phát triển các dự án thủy điện, điện sinh khối, điện rác theo quy hoạch, đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Liên kết với các địa phương lân cận phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến chè; xây dựng Phú Thọ trở thành trung tâm chế biến gỗ, giấy của vùng.

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ hiện đại, ứng dụng công nghệ cao; đưa Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm thương mại, logistics của vùng, quốc gia. Nghiên cứu hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm thương mại tự do thế hệ mới tại tỉnh. Phát triển chợ đầu mối, trung tâm bán buôn, bán lẻ (nhất là tại Thổ Tang, Tề Lỗ), các chợ hạng 1 và hình thành các trục thương mại gắn với hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội. Khai thác hiệu quả lợi thế tiếp giáp với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội để trở thành trung tâm tổ chức sự kiện, lễ hội tầm cỡ quốc gia, quốc tế (biểu diễn âm nhạc, thi đấu thể thao, tổ chức các giải golf,...). Phát triển các sản phẩm “kinh tế đầu bạc”, tập trung vào xây dựng các bệnh viện, trung tâm điều dưỡng, cơ sở dưỡng lão cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Triển khai các sản phẩm “kinh tế ban đêm” như: Biểu diễn nghệ thuật, âm nhạc, giải trí, ẩm thực, mua sắm, các trải nghiệm văn hóa đêm tại các khu, điểm du lịch trọng điểm Tam Đảo, Mai Châu, Thanh Thủy, Đại Lải và các đô thị lớn của tỉnh.

Xây dựng chiến lược phát triển và tạo bản sắc, thương hiệu điểm đến du lịch tỉnh Phú Thọ theo hướng “Dịch vụ chất lượng - Sản phẩm khác biệt - Hiệu quả bền vững”, đưa du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển 2 trục “du lịch văn hóa tâm linh” gắn với truyền thuyết “Tứ bất tử”: (i) Đền Hùng - Ba Vì - Hòa Bình; (ii) Đền Hùng - Tam Đảo - Sóc Sơn. Hình thành hành lang xanh du lịch Tam Đảo - Đền Hùng - Kim Bôi - Mai Châu. Liên kết các vùng du lịch trọng điểm gồm: Tây Thiên, Tam Đảo, Đại Lải, Việt Trì, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Tân Sơn, hồ Hòa Bình, Đà Bắc, Mai Châu. Tập trung phát triển sản phẩm du lịch trọng điểm: Du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe (Kim Bôi, Đại Lải, Tam Đảo); du lịch trải nghiệm văn hóa bản địa gắn với văn hóa Mường (Hòa Bình cũ), hát Xoan - Ghẹo (Phú Thọ cũ) và làng nghề truyền thống gắn với văn hóa xứ Đoài (Vĩnh Phúc cũ); du lịch sinh thái gắn với vườn Quốc gia Xuân Sơn, Tam Đảo; du lịch MICE (Việt Trì, Vĩnh Yên, Tam Đảo, Đại Lải, Hòa Bình cũ), du lịch đường thủy trên sông Đà, sông Lô, hồ Hòa Bình. Tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch thường niên cấp vùng như: Festival văn hóa Tây Bắc, tuần lễ du lịch Đền Hùng - Tam Đảo - Mai Châu. Hoàn thiện các điều kiện để đến năm 2030 khu du lịch Tây Thiên - Tam Đảo II và khu du lịch Đại Lải - Ngọc Thanh được công nhận là khu du lịch quốc gia.

Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn và giá trị cao gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh và phát triển hợp tác xã kiểu mới. Tổ chức sản xuất theo chuỗi, đa dạng sản phẩm, hình thành các vùng, khu sản xuất nông sản tập trung quy mô lớn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; hình thành các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, đặc sản, hữu cơ, theo tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, GlobalGAP,...), xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản, cây dược liệu chủ lực. Quản lý,

khai thác có hiệu quả, bền vững diện tích rừng. Nghiên cứu, thiết lập các quan hệ hợp tác nhằm phát triển các dự án, chương trình tham gia thị trường tín chỉ carbon, tạo nguồn thu ổn định cho cộng đồng địa phương và gia tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm nông nghiệp. Khai thác tối đa tiềm năng mặt nước hồ, sông, quy hoạch vùng chăn nuôi lồng, bè tập trung; phát triển kinh tế thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, đặc sản gắn với bảo vệ nguồn nước và kết hợp với du lịch sinh thái.

Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Tập trung bố trí vốn triển khai những nhiệm vụ, công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm để tạo sự lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội. Kiên trì thực hiện phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, kéo dài.

Tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại; chống lãng phí, tiêu cực trong quản lý ngân sách; khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa (cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể, tài nguyên, đẩy mạnh thương mại điện tử,...). Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm kê tài sản công và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư trên địa bàn tỉnh; rà soát, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh quản lý không để thất thoát, lãng phí.

Triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng, tín dụng ưu đãi; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, thúc đẩy tín dụng xanh. Thực hiện có hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để tăng khả năng tiếp cận tín dụng, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

2.2. Tập trung phát triển các vùng động lực, hành lang kinh tế, thúc đẩy liên kết vùng, khai thác hiệu quả không gian phát triển

Tổ chức phân vùng kinh tế phù hợp với điều chỉnh địa giới hành chính để phát huy, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và dựa theo cấu trúc các vùng động lực, hành lang kinh tế, trong đó:

(1) Khu vực Phú Thọ (cũ) là trục dịch vụ tổng hợp, trung chuyển hàng hóa, du lịch văn hóa và nông nghiệp đặc sản, kết nối đồng bằng với miền núi; khu vực Vĩnh Phúc (cũ) là cực tăng trưởng công nghiệp, logistics và đô thị hiện đại, động lực chính về thu ngân sách, sản xuất và việc làm; khu vực Hòa Bình (cũ) là vùng kinh tế xanh, du lịch sinh thái, rừng, thủy điện, bản sắc dân tộc, vừa bảo tồn sinh thái, vừa phát triển nghỉ dưỡng chất lượng cao. Hình thành mạng lưới đô thị phân tầng chức năng với các trung tâm vùng như Vĩnh Yên - Việt Trì - Hòa Bình, gắn kết các cực vệ tinh như Phúc Yên, Thanh Thủy, Lương Sơn, Yên Lạc, Tân Lạc (cũ).

(2) Tập trung phát triển 04 vùng động lực phát triển của tỉnh, bao gồm:

- Vùng đô thị Việt Trì - Phú Thọ (cũ): Mở rộng vùng lõi đô thị trung tâm tỉnh theo hướng phát triển không gian đô thị Việt Trì - Vĩnh Yên. Tập trung phát triển dọc theo các tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 2. Giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Tây Bắc của tỉnh và kết nối với các tỉnh Tuyên Quang, Lào Cai. Là trung tâm chính trị - hành chính, văn hóa của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, logistics, văn hóa, thể thao, giáo dục đào tạo, y tế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Vùng đô thị Vĩnh Phúc (cũ): Mở rộng không gian đô thị kết nối với Việt Trì. Tập trung phát triển dọc theo tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường vành đai 5 - vùng Thủ đô, Quốc lộ 2. Giữ vai trò trong liên kết phát triển khu vực phía Đông Bắc của tỉnh và kết nối với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh. Là trung tâm kinh tế, tài chính, ngân hàng, trung tâm sản xuất công nghiệp ô tô, xe máy, điện tử, công nghiệp số, công nghiệp công nghệ cao của vùng và cả nước. Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, đô thị, thương mại, logistics, giáo dục đào tạo, y tế, thể thao và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Vùng đô thị Hòa Bình - Lương Sơn (cũ): Tập trung phát triển dọc theo các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây, cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, đường vành đai 5, Quốc lộ 6, Quốc lộ 21A. Giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển khu vực phía Nam của tỉnh và kết nối với Thủ đô Hà Nội, các tỉnh Thanh Hóa, Sơn La. Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm công nghiệp điện, công nghiệp công nghệ cao, văn hóa, du lịch sinh thái, logistics.

- Vùng phía Tây Phú Thọ và Hoà Bình (cũ): Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, nông sản chất lượng cao, công nghiệp chế biến nông sản và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khám phá.

(3) Phát triển 5 hành lang kinh tế gắn với các vùng động lực của tỉnh để thúc đẩy tăng trưởng và hiệu ứng lan tỏa, bao gồm: (i) Hành lang kinh tế phía Bắc (thuộc hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) gắn với các tuyến giao thông chính, các đô thị, trung tâm công nghiệp - dịch vụ, các khu công nghiệp quan trọng; (ii) Hành lang kinh tế trung tâm (thuộc hành lang kinh tế theo đường Hồ Chí Minh và cao tốc Bắc - Nam phía Tây) gắn với tuyến giao thông kết nối trục dọc Bắc - Nam ở trung tâm tỉnh, các đô thị và tuyến giao thông kết nối Việt Trì - Tam Nông - Thanh Thủy - Hòa Bình; (iii) Hành lang kinh tế phía Đông gắn với Quốc lộ 2C, Đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô và cao tốc phía Tây; (iv) Hành lang kinh tế phía Nam (thuộc hành lang kinh tế Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội); (v) Hành lang kinh tế - sinh thái (kết nối Việt Trì - Hòa Bình).

2.3. Quyết liệt đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Đẩy mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính theo hướng đơn giản hoá và giảm chi phí thực thi thủ tục hành chính; công khai, minh bạch hoá các thủ tục hành chính để công dân, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin. Triển khai đồng bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong xử lý hồ sơ, giám sát tiến độ. Tập trung giải quyết nhanh chóng các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng cháy, chữa cháy; nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia kỹ thuật cao; cải thiện chất lượng hạ tầng và điều kiện sống. Phân đấu Phú Thọ có các chỉ số PAR INDEX, PCI, SIPAS, PAPI cấp tỉnh thuộc nhóm địa phương tốt nhất của cả nước.

Đổi mới cách thức, phương pháp xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các đối tác tiềm năng, chú trọng đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ. Xây dựng, triển khai Đề án thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh và Đề án hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp, nhà đầu tư của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài để tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu.

Chủ động tạo quỹ đất phát triển công nghiệp, lựa chọn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch và có lợi thế để kêu gọi đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được chấp thuận chủ trương đầu tư để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. Nghiên cứu áp dụng cơ chế thu hồi đất dựa trên sự đồng thuận của người dân để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng. Thành lập các tổ công tác làm việc với từng nhà đầu tư chiến lược để thu hút các dự án lớn; có cơ chế “luồng xanh” để sớm triển khai dự án tại tỉnh. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các dự án đầu tư để sớm đưa vào hoạt động, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

2.4. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại gắn với phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có sức lan tỏa lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh, tạo động lực cho tăng trưởng. Chú trọng đầu tư các công trình thiết chế văn hóa, thể thao, hạ tầng thương mại, công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy nhanh hoàn thiện các tuyến giao thông liên vùng, giao thông kết nối với các tuyến cao tốc, giao thông kết nối với các trung tâm đô thị, công nghiệp, dịch vụ, du lịch, văn hóa của tỉnh và các ga đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao. Đầu tư hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc (đoạn qua tỉnh), các nút giao theo quy hoạch. Cải tạo, nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ đạt cấp II, có tối thiểu 4 - 6 làn xe đối

với đoạn qua đô thị; các tuyến đường tỉnh cơ bản đạt cấp II, III. Xây dựng, cải tạo các cầu yếu, cầu dân sinh khu vực miền núi.

Duy trì các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh, triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Phát triển mới một số dự án nguồn điện tiềm năng (thủy điện, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời, điện rác...). Đầu tư đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối; xây mới, nâng cấp các trạm biến áp, đường dây kết nối với các nguồn điện mới, đáp ứng nhu cầu phụ tải.

Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông, bưu chính và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại nhằm tăng cường khả năng kết nối thông suốt, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số. Trọng tâm là xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu lớn, trung tâm điều hành thông minh, các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và hệ thống băng thông rộng, phủ sóng toàn tỉnh.

Tập trung phát triển, nâng cấp hạ tầng các vùng du lịch trọng điểm của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; đưa Phú Thọ trở thành trung tâm tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch tầm cỡ quốc gia, quốc tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu du lịch tại Tam Đảo II, Đại Lải, Thanh Thủy, Đầm Ao Châu, Ngòi Hoa, Hương Bình. Khai thác và phát huy giá trị của hồ Đầm Vạc, Hòa Bình, Thanh Lanh, Làng Hà, Bò Lạc, Vân Trục,...

Quy hoạch, phát triển đồng bộ hạ tầng logistics, tập trung vào các đầu mối giao thông, khu công nghiệp. Xây dựng các trung tâm logistics cấp vùng, kho ngoại quan, hệ thống kho vận, cơ sở phân phối hiện đại gắn với Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, các ga của tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, các tuyến giao thông chiến lược và các khu vực sản xuất hàng hóa lớn; sớm hoàn thành dự án Trung tâm Logistics ICD Bình Xuyên, mở rộng dự án Trung tâm Logistics ICD Việt Trì. Chuẩn bị sẵn hạ tầng đón đầu xu hướng thương mại điện tử và chuyển đổi số. Từng bước xây dựng, hiện đại hóa hệ thống cảng trên các sông lớn để tăng cường khả năng vận tải đường thủy, giảm chi phí vận chuyển cho hàng hóa số lượng lớn.

Tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ. Chính trang các đô thị hiện hữu, cải thiện kiến trúc cảnh quan, nhất là tại các khu vực trung tâm. Xây dựng đô thị mới thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ các sông lớn, đường sắt, đường cao tốc để khai thác hiệu quả không gian, quỹ đất. Phát triển đô thị mô hình TOD gắn với các ga của tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và đường sắt đô thị của Thành phố Hà Nội. Khuyến khích đầu tư nhà ở đô thị sinh thái chất lượng cao phục vụ chuyên gia, người nước ngoài, người có thu nhập cao. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở xã hội với vị trí, địa điểm, cơ cấu sản phẩm, giá thành hợp lý, phù hợp với nhu cầu thị trường, bảo đảm chất lượng tốt để cải thiện điều kiện về nhà ở trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng nông thôn mới mang bản sắc riêng theo hướng “Nông nghiệp xanh, nông thôn phát triển và nông dân giàu có”, “mang tiền từ thành thị về làng quê”. Đưa công nghệ, kỹ năng quản trị kinh tế về nông thôn; biến làng quê trở thành không gian sáng tạo. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước tiệm cận tiêu chuẩn đô thị; tạo sinh kế, việc làm ổn định tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân; hình thành các “khu dân cư kiểu mẫu”, “làng sinh thái”, “thôn trù phú”, “bản âm no”.

2.5. Phát triển các thành phần kinh tế, tạo sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu hút các nguồn lực đầu tư

Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi theo quy định của pháp luật để các thành phần kinh tế phát triển nhanh, bền vững; bảo đảm tính bình đẳng về quyền lợi và cơ hội kinh doanh, nhất là trong tiếp cận vốn, đất đai, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực hợp pháp khác. Xoá bỏ các rào cản hành chính, cơ chế “xin - cho”, tư duy “không quản được thì cấm”.

Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế của tỉnh; là lực lượng tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Hỗ trợ doanh nghiệp nội địa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh để phát triển kinh tế tư nhân, cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước dồi dư với giá ưu đãi để làm trụ sở doanh nghiệp. Tăng cường, đẩy mạnh trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp thông qua hình thức “Phân phối lần 3”.

Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo hướng thu hút đầu tư có chọn lọc, gắn kết với việc phát triển doanh nghiệp trong nước, dựa trên mối quan hệ tương hỗ. Ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có cam kết chuyển giao công nghệ; có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản phẩm và cung ứng toàn cầu. Hạn chế thu hút đầu tư các lĩnh vực khai thác khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên, sử dụng nhiều đất đai.

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, ở tất cả các ngành, lĩnh vực. Tiếp tục rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách, khơi thông các “điểm nghẽn”, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tập thể phát triển bền vững, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động có hiệu quả. Khuyến khích, hỗ trợ để hộ gia đình, cá nhân kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; hoàn thành việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ; triển khai việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

2.6. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá hàng đầu, động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và phong trào “Bình dân học vụ số”. Phân đầu thu hút thêm ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ cao hàng đầu thế giới đầu tư, sản xuất tại tỉnh để đóng vai trò dẫn dắt; tối thiểu 01 doanh nghiệp, nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đặt trung tâm dữ liệu khu vực tại tỉnh và 01 trường đào tạo nghề về các lĩnh vực công nghệ số, công nghệ mới; áp dụng rộng rãi các nền tảng số thông minh trong tất cả các lĩnh vực.

Phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó nhà nước kiến tạo, doanh nghiệp làm trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học là các chủ thể nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hướng tới nền kinh tế tri thức. Thu hút đầu tư có chọn lọc, nhất là các dự án có hàm lượng công nghệ tiên tiến, gắn với cam kết chuyển giao công nghệ. Xây dựng một số trường đại học, trường cao đẳng nghề trở thành hạt nhân, nòng cốt trong đào tạo chuyển đổi số, công nghệ mới. Phát triển các cơ sở ươm tạo các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch dịch vụ và khởi nghiệp. Thúc đẩy thành lập trung tâm nghiên cứu trí tuệ nhân tạo tại các khu công nghiệp. Hình thành tối thiểu 01 khu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

Ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng số, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số. Xây dựng, nâng cấp trung tâm dữ liệu lớn, trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan Trung ương; hệ thống thông tin, dữ liệu về kinh tế - xã hội để làm cơ sở hoạch định chính sách; các hệ thống phân tích, giám sát dữ liệu theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định bằng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hỗ trợ công tác điều hành, tác nghiệp, hướng tới hình thành “bộ não số” của tỉnh. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Mở rộng phủ sóng băng thông rộng toàn tỉnh, bảo đảm phủ sóng đến 100% dân số (mạng 5G và các thế hệ tiếp theo). Nghiên cứu tham gia triển khai thử nghiệm sóng vệ tinh quỹ đạo tầm thấp, hướng tới phủ sóng internet vệ tinh trên địa bàn toàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển kinh tế chia sẻ, sản xuất thông minh, thương mại điện tử và tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số. Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số và thương mại điện tử. Chuyển đổi dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số và khuyến khích phát triển các nền

tăng số trong lĩnh vực bưu chính; triển khai xây dựng trung tâm bưu chính vùng theo quy hoạch. Tăng cường quản lý các loại hình truyền thông, thông tin trên mạng Internet; các quy định về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Đưa công nghệ, kỹ năng quản trị số về nông thôn; thí điểm hình thành các “làng số”, biến làng quê trở thành không gian sáng tạo, gắn với du lịch nông thôn.

Ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, quy trình kinh doanh mới hoặc cải tiến các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, tạo ra sản phẩm có giá trị cao; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm (Lab), trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ.

Củng cố năng lực các phòng thí nghiệm, kiểm định; nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, tập trung những vấn đề quan trọng của tỉnh, có tính ứng dụng cao. Tổ chức hội nghị, diễn đàn khoa học công nghệ cấp vùng, cả nước. Chủ động ký kết các thỏa thuận hợp tác với các đối tác lớn. Tạo điều kiện tối đa cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến làm việc, hợp tác tại tỉnh.

2.7. Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quán triệt thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo gắn kết với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và kiên quyết xử lý các vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường. Tập trung hoàn thiện, số hóa quản lý hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính, khoáng sản, bảo vệ môi trường theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Giải quyết cơ bản tình trạng lấn, chiếm, sử dụng đất đai trái phép, những tồn tại lớn về đất đai, khoáng sản.

Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học công nghệ. Thúc đẩy các hoạt động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; phát triển các ngành sản xuất xanh mới, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quan trắc, giám sát chặt chẽ diễn biến nguồn nước; hoàn thành việc kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát, giám sát các nguồn xả thải bảo đảm an toàn cho nguồn nước, môi trường không khí ở các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các lưu vực sông và khu vực nông thôn. Quan tâm đầu tư hệ thống các công trình xử lý chất thải, rác thải, nước thải tại các khu vực đô thị và nông thôn; tiếp tục xây dựng, cải tạo hệ thống nước thải sinh hoạt trong khu dân cư. Thực hiện di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm ra ngoài trung tâm đô thị.

Chủ động triển khai thực hiện các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

3. Phát huy giá trị văn hóa, con người vùng đất Tổ, người Việt cổ, nơi cội nguồn của dân tộc Việt Nam; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; quan tâm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội

3.1. Phát huy giá trị văn hoá, con người Phú Thọ đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển mới

Nhận thức toàn diện, sâu sắc về văn hóa theo Kết luận số 156-KL/TW, ngày 21/5/2025 của Bộ Chính trị. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Phát huy yếu tố văn hóa, đặc trưng nổi trội con người vùng đất Tổ, người Việt cổ và truyền thống tiên phong, đổi mới, sáng tạo để khơi dậy lòng tự tin, niềm tự hào, tạo sức mạnh nội sinh và lan tỏa giá trị, thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Phấn đấu đưa Phú Thọ trở thành tỉnh có chỉ số phát triển và hạnh phúc thuộc nhóm cao của cả nước.

Thúc đẩy hình thành một số ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa có tiềm năng, lợi thế (phim trường điện ảnh, trường đua, mặt hàng thể thao, thủ công mỹ nghệ, biểu diễn nghệ thuật, sân khấu thực cảnh, du lịch văn hóa,...). Tổ chức, đăng cai các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao lớn để đưa Phú Thọ thành trung tâm sự kiện của quốc gia, quốc tế (nhất là các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, các giải golf trong khuôn khổ PGA tour,...). Đề xuất kết nối các địa phương của Trung Quốc và Việt Nam cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa theo sáng kiến “Chung một dòng sông Hồng”. Xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, biểu tượng của tỉnh Phú Thọ mới.

Phát triển nền văn học nghệ thuật phong phú, đa dạng, giàu bản sắc, kết hợp truyền thống và hiện đại. Quan tâm đầu tư, đặt hàng một số sản phẩm văn hóa chất lượng cao, có tư duy sâu sắc, nghệ thuật tinh tế, giàu sức sống (sân khấu biểu diễn thực cảnh tại Đền Hùng, Tây Thiên,...); tổ chức các chương trình nghệ thuật, trình diễn văn hóa đặc sắc với sự tham gia của các nhân vật giải trí nổi tiếng trong và ngoài nước. Xây dựng chuẩn mực văn hóa ứng xử trong lãnh đạo, văn hóa công sở, văn hóa kinh doanh; khôi phục các giá văn hóa truyền thống trong các thôn, bản, làng, các quy ước, hương ước.

Quy hoạch, bảo tồn và phát huy tốt giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các di chỉ khảo cổ học, di tích lịch sử cách mạng, giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc phục vụ giáo dục truyền thống gắn với phát triển du lịch bền vững; đưa Phú Thọ thành trung tâm văn hóa, lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam (Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, văn hóa Mường, tín ngưỡng thờ Mẫu Tây Thiên,...).

Sắp xếp lại mạng lưới, hệ thống thiết chế thể thao phù hợp với bối cảnh mới; ưu tiên xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc tế. Tập trung đầu tư cho một số môn thể thao thành tích cao; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động thể dục, thể thao quần chúng và hoạt động thể thao trong trường học. Phân đấu có tối thiểu một câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền chuyên nghiệp đại diện cho tỉnh thi đấu ở các giải chuyên nghiệp cấp độ cao nhất của quốc gia. Nghiên cứu thành lập các học viện, trung tâm đào tạo tài năng thể thao, nhất là cho con em người Phú Thọ. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất gắn với nâng cao hiệu quả, công năng sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Chủ động cung cấp thông tin, đổi mới hình thức tuyên truyền, chú trọng truyền thông chính sách. Ứng dụng chuyển đổi số xây dựng hệ sinh thái truyền thông chuyên nghiệp. Tăng cường công tác quản lý thông tin, đấu tranh phản bác các thông tin xấu độc, đảm bảo môi trường thông tin lành mạnh phục vụ các nhiệm vụ chính trị.

3.2. Phát triển giáo dục và đào tạo; tập trung thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng hệ thống giáo dục của tỉnh theo hướng mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xã hội học tập. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ. Tập trung thúc đẩy giáo dục đổi mới sáng tạo, giáo dục STEM/STEAM và chuyển đổi số trong trường học; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong dạy và học. Duy trì chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn thuộc tốp đầu cả nước, đưa Phú Thọ trở thành trung tâm giáo dục trải nghiệm, giáo dục chất lượng cao ở một số cấp học, bậc học, ngành đào tạo.

Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của mỗi địa bàn, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc mọi đối tượng, vùng miền trong tỉnh. Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa, hiện đại hóa trường học, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng thực hành, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Quan tâm xây dựng các trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các cơ sở giáo dục phục vụ con em công nhân và người lao động tại khu công nghiệp và các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số, miền núi.

Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đảm bảo cơ cấu, đạt chuẩn nghề nghiệp. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; ít nhất 85% người trong

độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. Thực hiện miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập. Đổi mới mô hình trường chuyên để tập trung ươm tạo nhân tài. Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học và dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng. Phổ cập ngôn ngữ số trong trường phổ thông.

Cơ cấu, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt. Nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, gắn kết cung cầu với doanh nghiệp. Tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ. Quan tâm phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, miền núi. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế mới. Ban hành cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới và công nghiệp chủ lực của tỉnh. Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp cho các ngành nghề trọng điểm từ ngân sách nhà nước tỉnh.

Nghiên cứu, đề xuất chuyển một số trường đại học trên địa bàn về tỉnh quản lý để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo nhân lực. Thúc đẩy hình thành các trường đại học, cao đẳng tầm cỡ quốc gia và khu vực; các cơ sở đào tạo, dạy nghề trọng điểm quốc gia. Đầu tư phát triển một số trường đại học trọng điểm trên địa bàn tỉnh trở thành các trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho vùng, gắn với nghiên cứu đổi mới sáng tạo, đưa kết quả nghiên cứu đi vào ứng dụng thực tiễn. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục lớn trong và nước thành lập phân hiệu, mở văn phòng đại diện hoặc triển khai chương trình giáo dục tại tỉnh. Phát triển mô hình đô thị đại học đáp ứng nhu cầu sinh sống, học tập, làm việc của sinh viên, giảng viên, chuyên gia và người lao động chất lượng cao.

Khuyến khích, đẩy mạnh phát triển giáo dục ngoài công lập; liên kết đào tạo với các trường trọng điểm, trường có uy tín trong nước và quốc tế. Thu hút các dự án giáo dục, đào tạo chất lượng cao, các trung tâm trải nghiệm giáo dục đạt tiêu chuẩn quốc tế. Áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục.

3.3. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế hiện đại, công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, hướng tới y tế thông minh. Phát triển nhân lực y tế bảo đảm đồng bộ về số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhất là nhân lực phục vụ y tế cơ sở, y tế dự phòng.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế đáp ứng sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ sức khỏe toàn dân, giảm thiểu chênh lệch giữa các khu vực trong tỉnh; bảo đảm mọi người dân được sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần. Thiết lập cơ sở dữ liệu về y tế; mỗi người dân được lập sổ sức khỏe điện tử. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ miễn, giảm chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho một số đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế. Mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa; tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình bệnh viện vệ tinh, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, phương tiện và nguồn nhân lực y tế. Xây dựng một số cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm nhận chức năng vùng. Hình thành tối thiểu 01 bệnh viện hạng đặc biệt, 01 bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa, 01 trường đại học y dược, một số bệnh viện chuyên ngành và bệnh viện vệ tinh, các cơ sở chăm sóc sức khỏe tư nhân đạt tiêu chuẩn quốc tế; đưa Phú Thọ trở thành trung tâm y tế kỹ thuật chuyên sâu của vùng và cả nước.

Kiện toàn, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng theo hướng hiện đại; đủ năng lực giám sát, cảnh báo sớm dịch bệnh, không chế kịp thời các dịch bệnh và chủ động tổ chức triển khai các hoạt động phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế.

Phân đầu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; huy động mọi nguồn lực để tăng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với một số nhóm đối tượng chính sách. Phát triển toàn diện y dược học cổ truyền, kết hợp y dược học cổ truyền với y dược học hiện đại trong đào tạo nhân lực y tế, phòng bệnh và khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; phát triển y học cổ truyền và công nghiệp dược liệu. Tăng cường kết hợp quân dân y, y tế công an, đặc biệt tại vùng miền núi, vùng khó khăn.

Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ, thể chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống theo hướng sống lâu, sống khỏe, sống lành mạnh, sống hạnh phúc. Thích ứng với già hóa dân số, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh con để đạt mức sinh thay thế bền vững, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai mô hình “kinh tế đầu bạc” phục vụ người già, thúc đẩy hình thành các viện dưỡng lão, cơ sở y tế cung cấp dịch vụ y tế kết hợp nghỉ dưỡng chất lượng cao dành cho người cao tuổi.

3.4. Giải quyết tốt các vấn đề lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

Nâng cao chất lượng kết nối cung - cầu lao động, giao dịch việc làm trên nền tảng số, hướng đến thị trường lao động bền vững, hiệu quả. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ lao động cho người lao động khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động.

Quan tâm hỗ trợ người dân tiếp cận hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu, bao gồm y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin và trợ giúp pháp lý. Thực hiện tốt công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, chính sách trợ giúp xã hội, bình đẳng giới, chăm sóc, bảo vệ người già, trẻ em và hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp. Phát triển nhà ở xã hội cho công nhân và người lao động có thu nhập thấp; cải tạo các khu tập thể, chung cư cũ xuống cấp. Huy động mọi người lực để tạo điều kiện, hỗ trợ cho các hộ gia đình đều có nhà ở kiên cố. Mở rộng mạng lưới các tuyến xe buýt kết nối các trung tâm đô thị lớn của tỉnh (Phúc Yên, Vĩnh Yên, Việt Trì, Phú Thọ, Hòa Bình) và từ các trung tâm đô thị lớn đến trung tâm các xã, phường có mật độ đi lại cao theo từng khu vực.

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Huy động nguồn lực phát triển sản xuất, chuyển đổi sinh kế, giảm nghèo nhanh cho khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh, xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân. Chú trọng công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ pháp luật trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số.

4. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, đẩy mạnh liên kết phát triển vùng

4.1. Xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Xây dựng Phú Thọ là trung tâm, giữ vai trò nòng cốt trong khu vực phòng thủ trên địa bàn Quân khu 2. Tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với

thể trận an ninh nhân dân và “thể trận lòng dân” vững mạnh. Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch tổng thể thể trận quốc phòng gắn với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với điều chỉnh địa giới hành chính và yêu cầu tác chiến hiện đại, nhất là địa bàn chiến lược, trọng điểm. Thẩm định, giám sát chặt chẽ về mặt quốc phòng đối với các chương trình, đề án, dự án. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Quan tâm làm tốt chính sách hậu phương quân đội, công tác tuyển chọn, gọi nhập ngũ, tuyển sinh quân sự và hỗ trợ sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương.

Chủ động nắm chắc, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo đảm về mọi mặt để giữ ổn định chính trị, xã hội; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Kiên quyết đấu tranh, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm về môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao. Bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bí mật nhà nước, an ninh số, an ninh mạng, an toàn thông tin, dữ liệu cá nhân. Dứt khoát bỏ tư duy “không quản được thì cấm” trong quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; cải cách hành chính, mở rộng không gian cho phát triển. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng lực lượng công an. Cũng cố lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh; phát huy mạnh mẽ vai trò của Hội cựu chiến binh, Hội cựu Công an nhân dân. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh.

4.2. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; tích cực hội nhập quốc tế, kinh tế quốc tế; đẩy mạnh liên kết phát triển vùng

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Phát huy vai trò của đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân trên cơ sở chủ trương, định hướng của Trung ương. Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao kinh tế. Tích cực triển khai có hiệu quả, thực chất các sáng kiến, cam kết của Đảng, Chính phủ với đối tác quốc tế.

Xây dựng thương hiệu nhận diện của tỉnh. Triển khai sáng kiến “Mạng lưới toàn cầu vì tương lai Phú Thọ” để thu hút cộng đồng người Việt ở nước ngoài, các chuyên gia, doanh nhân quốc tế đóng góp ý tưởng, nguồn lực xây dựng và phát triển tỉnh. Nghiên cứu thành lập các văn phòng đại diện của tỉnh tại nước ngoài (Phú Thọ Desk) để phục vụ xúc tiến đầu tư, thương mại, giao lưu văn hóa, nhất là ở các địa phương kết nghĩa.

Ban hành chiến lược marketing hình ảnh, thương hiệu nhận diện của tỉnh. Hợp tác với các tập đoàn truyền thông lớn quảng bá văn hóa, con người, tiềm năng, lợi

thế của Phú Thọ ra thế giới. Kết nối, mời những người có ảnh hưởng trong cộng đồng xã hội, cộng đồng mạng, báo chí nước ngoài khảo sát các điểm đến hấp dẫn, quảng bá các sản phẩm du lịch thể mạnh của tỉnh.

Đăng cai tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa, thể thao tầm cỡ quốc gia, khu vực và quốc tế. Hợp tác và liên kết phát triển đa vùng, đa vành đai. Đề xuất kết nối các địa phương của Trung Quốc và Việt Nam cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa theo sáng kiến “Chung một dòng sông Hồng”. Mở rộng quan hệ hợp tác với các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài, các tập đoàn kinh tế lớn; chủ động xây dựng biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với đối tác tiềm năng. Tiếp tục thiết lập quan hệ hữu nghị và giao lưu, hợp tác với địa phương có điều kiện hoặc có lợi thế so sánh tại khu vực ASEAN, Đông Bắc Á, Châu Âu, Bắc Mỹ.

Phát triển các mối quan hệ hợp tác với các ban, bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương, các địa phương theo tinh thần “Khiêm tốn, chân thành, cầu thị và đáng tin cậy”. Tăng cường hợp tác liên kết vùng để phát huy lợi thế của từng địa phương và của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng bộ tỉnh Phú Thọ đang cùng cả nước bước vào giai đoạn phát triển mới, đồng thời dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức rất lớn đặt ra, đòi hỏi cả hệ thống chính trị, mỗi cán bộ, đảng viên, toàn thể Nhân dân phải phát huy mạnh mẽ tinh thần cách mạng, lòng yêu quê hương, đất nước, với ý chí quyết tâm cao, đoàn kết một lòng, khát vọng vươn lên phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; quyết tâm xây dựng tỉnh Phú Thọ ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh và hạnh phúc cùng cả nước tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để báo cáo),
- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Các Ban Xây dựng Đảng TW (để báo cáo),
- Văn phòng TW Đảng (để báo cáo),
- Các đồng chí UV BCH ĐB tỉnh,
- Các Đảng bộ trực thuộc,
- Các cơ quan tỉnh,
- Lãnh đạo VPTU + CV,
- Lưu HSDH, VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**

Trương Quốc Huy

PHỤ LỤC I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ CÁC TỈNH PHÚ THỌ, VĨNH PHÚC, HÒA BÌNH (TRƯỚC KHI HỢP NHẤT), NHIỆM KỲ 2020 - 2025

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021- 2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
I	VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG											
1	Số đảng viên được kết nạp	Đảng viên	Hằng năm đạt 2.000 đảng viên trở lên	Hằng năm đạt 2.000 đảng viên trở lên	Đạt 1.896 đảng viên trở lên	Bình quân hằng năm đạt 2.210	Bình quân hằng năm đạt 2.240	Bình quân hằng năm đạt 1.863	Vượt	Vượt	Không đạt	
2	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm	%	>80	>85	>85	94,73	86	86	Vượt	Vượt	Vượt	
3	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân hằng năm	%	>80	>90	>90	97,10	92	92	Vượt	Vượt	Vượt	
4	Tỷ lệ chính quyền cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên bình quân hằng năm	%	-	8	80	-	93	93		Vượt	Vượt	Phú Thọ không xây dựng
II	VỀ KINH TẾ											
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	7,5	8,5 - 9,0	9	8,2	7,5	6,68	Vượt	Không đạt	Không đạt	
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người	Triệu đồng	65	130-135	100	75,9	153,5	90	Vượt	Vượt	Không đạt	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
3	Cơ cấu kinh tế	%	100	100		100	100		Vượt	Đạt		Hòa Bình không xây dựng
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	18	6,0-6,5		17,4	6,2					
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	40,5	61,5-62,0		42,2	63,9					
-	Dịch vụ	%	41,5	32,0-32,5		40,4	29,9					
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội (trong 5 năm)	Tỷ đồng	160.000			223.400			Vượt			Vĩnh Phúc, Hòa Bình không xây dựng
5	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	10.000		10.000	11.000		8.500	Vượt		Không đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	22	50	>38	25	50	38	Đạt	Đạt	Đạt	
7	Tổng vốn đầu tư trên địa bàn/GRDP giá hiện hành	%		30-35			31			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
8	Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân	%/năm		6-8			-0,3			Không đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
9	Thu hút vốn đầu tư											Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
-	Thu hút thêm vốn đầu tư 5 năm vốn FDI	Tỷ USD		2,0-2,5			3,53			Vượt		

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
-	Thu hút thêm vốn đầu tư 5 năm vốn DDI	1.000 tỷ đồng		20-25			67			Vượt		
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	%/năm		>11	8		9,4	10,6		Không đạt	Vượt	Phú Thọ không xây dựng
11	Đóng góp của các nhân tố tổng hợp TFP vào tăng trưởng	%		50			50			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
12	Kim ngạch xuất khẩu hằng năm tăng bình quân	%			18			18			Đạt	Phú Thọ, Vĩnh Phúc không xây dựng
III	VĂN HÓA - XÃ HỘI											
1	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	<40		<48	20,2		48	Vượt		Đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng
2	Tạo việc làm tăng thêm hằng năm	1.000 việc làm		16-17			20,8			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
3	Thu nhập bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp so với mức lương tối thiểu vùng	Lần		2			2,76			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề so với tổng số lao động	%	>72	82	>63	72	82	64,5	Đạt	Đạt	Vượt	
	Trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ	%	>30	40	25	36,1	40	27	Vượt	Đạt	Vượt	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
5	Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia theo chuẩn mới ở tất cả các cấp học	%		70	>59		89,9	61		Vượt	Đạt	Phú Thọ không xây dựng
6	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn)	%/năm	0,4		2,5 - 3	0,63		2,5	Vượt		Đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng
-	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới	%		<1			0,4			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
7	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	15	15	10	15,3	16,3	10	Vượt	Vượt	Đạt	
-	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính trạm y tế)	Giường	50	40	30	55,5	52	30	Vượt	Vượt	Đạt	
8	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	>93	>95	>95	94	96,1	95,3	Vượt	Vượt	Vượt	
-	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội so lực lượng lao động	%		45			45			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	%		100			100			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
-	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng hồ sơ	%		75			75			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
10	Diện tích nhà ở bình quân đến năm 2025	m ² sàn trên người		31,3			35,7			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
11	Chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới											
-	Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	% (huyện)	>45% (6 huyện)			46,2% (100%)			Vượt			Vĩnh Phúc, Hòa Bình không xây dựng
-	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Huyện		1			1			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
-	Tỷ lệ xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	% (xã)	65%		>70	85,8		70,54	Vượt		Đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	% (xã)	20	40		21	43,14		Vượt	Vượt		Hòa Bình không xây dựng
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%		10			11,76			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
12	Giảm tai nạn giao thông (số vụ, số người chết và số người bị thương)	%		5-10			- 6,9 -11,7, -41,86			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
IV	MÔI TRƯỜNG											
1	Chỉ tiêu sử dụng nước sạch, trong đó:											
-	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	>98		>95	99		96	Vượt		Đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
-	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100		100	100		97	Đạt		Không đạt	Vĩnh Phúc không xây dựng
-	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn 02/BHYT	%		70			85			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
-	Tỷ lệ dân số đô thị (thành phố, thị trấn) được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%		85			85			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
2	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và khu dân cư tập trung	%	>70			81,9			Vượt			Vĩnh Phúc, Hòa Bình không xây dựng
3	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường ở khu vực đô thị	%		97	90		98	90		Vượt	Đạt	Phú Thọ không xây dựng
4	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường ở khu vực nông thôn	%		80			82			Vượt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
5	Tỷ lệ chất thải nguy hại và chất thải y tế được xử lý	%		100			100			Đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
6	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đã đóng cửa được cải tạo, xử lý, tái sử dụng	%		>95			60			Không đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIX tỉnh Phú Thọ	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Vĩnh Phúc	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội XVII tỉnh Hòa Bình	Kết quả thực hiện 2021-2025 hoặc đến năm 2025			Đánh giá			Ghi chú
						Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	Phú Thọ	Vĩnh Phúc	Hòa Bình	
7	Tỷ lệ cụm công nghiệp (đang hoạt động hoặc xây dựng mới) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%		100			50			Không đạt		Phú Thọ, Hòa Bình không xây dựng
8	Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động đảm bảo an toàn, vệ sinh và đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật	%			100			100			Đạt	Phú Thọ, Vĩnh Phúc không xây dựng
9	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đến năm 2025	%			100			100			Đạt	Phú Thọ, Vĩnh Phúc không xây dựng
10	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,8	25	>51,5	39,7	25	51,5	Đạt	Đạt	Đạt	

PHỤ LỤC II
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030 hoặc đến năm 2030
1	Quy mô tổng sản phẩm (GRDP)	Phấn đấu cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025, trong đó: Công nghiệp - xây dựng: 55,4%; dịch vụ: 36,3%; nông, lâm nghiệp, thủy sản: 8,3%.
2	Tốc độ tăng trưởng GRDP theo giá so sánh (%/năm)	11-12
	- Công nghiệp - xây dựng	14,5-15,5
	- Dịch vụ	10,5-11
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	3,5-4
	- Thuế sản phẩm	5-5,5
3	GRDP bình quân đầu người (triệu đồng)	220-230
4	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (tỷ đồng)	>910.000
5	Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (%)	41
6	Thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	>85.000
	Tăng bình quân (%/năm)	>10%
7	Kinh tế tư nhân	
	- Tổng số doanh nghiệp	> 45.000
	- Tăng trưởng bình quân (%/năm)	>12
	- Đóng góp GRDP (%)	55-58
	- Đóng góp thu ngân sách nhà nước (%)	35-40
	- Tỷ lệ giải quyết việc làm (%)	84-85
	- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân (%)	>12
8	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
	- Đóng góp của nhân tố TFP (%)	55-60
	- Đóng góp của kinh tế số trong GRDP (%)	30
	- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp (%)	>40
	- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (%)	>80
	- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0,75
	- Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo/vạn dân (người)	12
	- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt (%)	80
	- Tỷ lệ phủ sóng 5G (%)	100
	- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành (%)	100
	- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện (%)	100

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu giai đoạn 2026-2030 hoặc đến năm 2030
9	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	35-40
10	Số căn nhà ở xã hội	Hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội”
11	Quy mô dân số (nghìn người)	~ 4.200
12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	~ 76
13	Thời gian sống khỏe mạnh (năm)	69
14	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng)	> 8,7
15	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78
16	Chỉ số phát triển và hạnh phúc (điểm)	≥ 85
17	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế (nghìn người)	>2.400
18	Tỷ trọng lao động có việc làm (%)	
	- Công nghiệp xây dựng	46
	- Dịch vụ	36
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	18
19	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo (%)	80-85
20	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ (%)	40-45
21	Tỷ lệ thất nghiệp (%)	0,9-1,1
22	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân (%/năm)	> 12
23	Số bác sĩ/vạn dân (người)	19
24	Số giường bệnh/vạn dân (giường bệnh)	50
25	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	100 (bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân)
26	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Cơ bản không còn hộ nghèo
27	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia (%)	>95
28	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (%)	>85
	- Trong đó, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao (%)	> 40
29	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	100
30	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)	>95
31	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn đến năm 2030 ở khu vực đô thị (%)	100
32	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn đến năm 2030 ở khu vực nông thôn (%)	>85
33	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100
34	Tỷ lệ chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý (%)	100
35	Tỷ lệ che phủ rừng duy trì (%)	42,5

PHỤ LỤC III
DỰ KIẾN CÁC ĐỀ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Tên chương trình, đề án, quy hoạch	Cơ quan báo cáo	Cơ quan chủ trì	Thời hạn hoàn thành	Nguồn lực
1	Đề án Cải cách hành chính, tinh giảm thủ tục hành chính	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	2026	NSNN
2	Đề án Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng	2026	NSNN
3	Đề án Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	2025-2030	NSNN
4	Đề án Phát triển giáo dục tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025	NSNN
5	Đề án Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và phát triển sự nghiệp y tế tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Y tế	2025	NSNN
6	Đề án Phát triển văn hóa, con người; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Phú Thọ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2025	NSNN
7	Đề án Thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	2026	NSNN
8	Đề án Định hướng thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài thể hệ mới	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	2026	NSNN
9	Đề án Hỗ trợ kết nối, liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp của tỉnh với doanh nghiệp nước ngoài để tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	2026	NSNN
10	Đề án Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Tài chính	2026	NSNN
11	Đề án Phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao	Đảng ủy UBND tỉnh	Ban QL các KCN	2025	NSNN
12	Đề án Xây dựng khu thương mại tự do (FTZ)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương	2025	NSNN
13	Đề án Phát triển Phú Thọ trở thành trung tâm logistics trong vùng	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Công thương	2025	NSNN
14	Đề án Phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tích hợp đa giá trị cho các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc sản của tỉnh gắn với xây dựng các sản phẩm OCOP và du lịch nông nghiệp, nông thôn	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026	NSNN

STT	Tên chương trình, đề án, quy hoạch	Cơ quan báo cáo	Cơ quan chủ trì	Thời hạn hoàn thành	Nguồn lực
15	Đề án Phát triển nhà ở tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Xây dựng	2025	NSNN
16	Đề án Đo đạc lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 (theo tiến độ Trung ương)	NSNN
17	Đề án Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	2026 (sau khi Trung ương ban hành Chương trình, hướng dẫn)	NSNN
18	Đề án Phát triển du lịch, thể thao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030 (trọng tâm là phát triển hạ tầng, sản phẩm du lịch đặc trưng và chuyển đổi số du lịch)	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2025	NSNN
19	Đề án Phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2025	NSNN
20	Đề án Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân, giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Nội vụ	2026	NSNN
21	Đề án Chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	2025	NSNN
22	Đề án Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án của tỉnh	Đảng ủy UBND tỉnh	Thanh tra tỉnh	2025	NSNN
23	Đề án Tiếp tục đổi mới công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền vận động theo hướng ứng dụng công nghệ số và truyền thông đa phương tiện, giai đoạn 2026-2030	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	2025	NSNN
24	Đề án Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, giai đoạn 2026-2030	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	2025	NSNN
25	Đề án Nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, giai đoạn 2026-2030	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	2025	NSNN

STT	Tên chương trình, đề án, quy hoạch	Cơ quan báo cáo	Cơ quan chủ trì	Thời hạn hoàn thành	Nguồn lực
26	Đề án Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giai đoạn 2026-2030	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Ban Nội chính Tỉnh ủy	2025	NSNN
27	Đề án Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, giai đoạn 2026-2030	Ủy ban MTTQ tỉnh	Ủy ban MTTQ tỉnh	2025	NSNN

PHỤ LỤC IV
DỰ KIẾN CÁC CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Nội dung chính sách	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Nguồn lực
I	Phát triển kinh tế			
1	Chính sách hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế chiến lược đến đầu tư tại tỉnh	Sở Tài chính	Năm 2026	NSNN
II	Khoa học công nghệ			
2	Chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	NSNN
3	Chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới, hiện đại hóa công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2025	NSNN
III	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn			
4	Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026	NSNN
5	Chính sách hỗ trợ đầu tư dự án cung cấp nước sạch và hỗ trợ giá nước sạch cho vùng nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Năm 2026	NSNN
IV	Giáo dục - Đào tạo			
6	Chính sách hỗ trợ, trao học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2025	NSNN
7	Chính sách hỗ trợ các Trường Trung học phổ thông Chuyên của tỉnh; học sinh tham gia đội tuyển, chuyên gia, giáo viên tham gia bồi dưỡng tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, khu vực, quốc tế	Sở Giáo dục và Đào tạo	Năm 2025	NSNN
V	Văn hóa - Thể thao - Du lịch			
8	Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2025	NSNN
9	Chính sách hỗ trợ phát triển thể dục thể thao thành tích cao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2025	NSNN
10	Chính sách hỗ trợ cho Nghệ nhân được Nhà nước xét tặng trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2025	NSNN
11	Chính sách hỗ trợ, đầu tư tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích lịch sử - văn hóa được Nhà nước xếp hạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2025	NSNN

STT	Nội dung chính sách	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành	Nguồn lực
VI	Y tế			
12	Chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực y tế làm việc tại các cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Năm 2025	NSNN
13	Chính sách xã hội hóa trong lĩnh vực y tế	Sở Y tế	Năm 2025	NSNN
14	Chính sách hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực nâng cao năng lực khám bệnh, chữa bệnh cho Nhân dân	Sở Y tế	Năm 2025	NSNN
VII	Phát triển nguồn nhân lực			
15	Chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ trí thức và thu hút, trọng dụng nhân tài	Sở Nội vụ	Năm 2025	NSNN
VIII	Công tác dân tộc			
16	Chính sách hỗ trợ phụ cấp hàng tháng cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Năm 2025	NSNN
IX	Hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất			
17	Chính sách hỗ trợ lưu trú và bố trí phương tiện đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính	Sở Tài chính	Năm 2025	NSNN

PHỤ LỤC V
DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Nguồn lực
I	Giao thông vận tải	
1	Đường giao thông kết nối phường Việt Trì đi phường Hòa Bình	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
2	Đường vành đai 5 thủ đô đoạn từ cầu Vĩnh Thịnh đến nút giao IC5 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; đường vành 4 Bình Xuyên - Yên Lạc - Vĩnh Tường (giai đoạn II)	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
3	Tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu và Hòa Bình - Hòa Lạc	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
4	Hạ tầng giao thông kết nối liên tỉnh; hệ thống cầu qua sông Lô, sông Hồng, sông Đà	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
5	Hạ tầng giao thông kết nối từ các nhà ga đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đến các nút giao đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Tuyên Quang - Phú Thọ; các tuyến đường song song với đường sắt Hà Nội - Lào Cai qua địa bàn tỉnh	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
6	Hạ tầng giao thông kết nối các nút giao đường cao tốc qua địa bàn với các trung tâm đô thị của tỉnh; kết nối đến các khu công nghiệp, khu du lịch, vườn quốc gia, cảng quan trọng,... trên địa bàn tỉnh. Các tuyến đường tránh quốc lộ, tránh qua đô thị	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
7	Hệ thống bến xe khách, bãi đỗ xe	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác
II	Công nghiệp, năng lượng	
8	Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; sản xuất công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, vật liệu mới	Vốn nhà đầu tư
9	Hệ thống hạ tầng truyền tải và phân phối điện đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	Vốn nhà đầu tư
III	Đô thị - Thương mại	
10	Khu đô thị mới; khu đô thị đại học; khu đô thị kết hợp khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; khu đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu; khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội phục vụ cho cán bộ, công chức sau sáp nhập và cho công nhân lao động trong các khu công nghiệp; khu dân cư nông thôn mới	Vốn nhà đầu tư
11	Các trung tâm thương mại đa năng, siêu thị, chợ đầu mối	Vốn nhà đầu tư
12	Trung tâm logistics, cảng cạn cấp vùng	Vốn nhà đầu tư
IV	Văn hóa - Thể thao - Du lịch	
13	Tháp Hùng Vương; Quần thể văn hóa, tâm linh trở về cội nguồn dân tộc Việt Nam - Công trình biểu tượng mới của tỉnh	NSNN, các nguồn hợp pháp khác

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Nguồn lực
14	Khu liên hợp thể thao, nhà thi đấu thể thao, sân vận động,... theo tiêu chuẩn quốc tế	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
15	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử - văn hóa, di tích được xếp hạng	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
16	Hệ thống quảng trường, công viên, cây xanh; các khu du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng cao cấp	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
17	Bảo tàng không gian văn hóa dân tộc Mường; khu trưng bày hiện vật, các nghiên cứu về nền “Văn hóa Hòa Bình”	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
V	Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo	
18	Trung tâm tích hợp dữ liệu, điện toán đám mây; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và kho lưu trữ dữ liệu gốc trung tâm (Data lake); Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Thọ	Vốn nhà đầu tư
19	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng kết nối vạn vật (IoT) - hạ tầng nền tảng số và dữ liệu số phục vụ chuyển đổi số; trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC)	Vốn nhà đầu tư
VI	Nông nghiệp và phòng chống thiên tai	
20	Hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước lớn phục vụ đa mục tiêu	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
21	Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng tập trung, liên kết theo chuỗi; nông nghiệp tuần hoàn, sinh thái, hữu cơ, tích hợp sản phẩm đa giá trị kết hợp với du lịch nông nghiệp, nông thôn	Vốn nhà đầu tư
VII	Môi trường	
22	Bảo tồn đa dạng sinh học các Vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên; bảo tồn, lưu trữ và phát triển nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị; hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường	Vốn nhà đầu tư
23	Nhà máy xử lý chất thải rắn; hệ thống thu gom/xử lý nước thải, cấp nước sạch đô thị và nông thôn; nghĩa trang tập trung, nhà tang lễ, công viên nghĩa trang	NSNN, PPP, các nguồn hợp pháp khác, vốn nhà đầu tư
VIII	Giáo dục - Đào tạo	
24	Các trường học, cơ sở dạy và đào tạo nghề, trường đại học quy mô cấp vùng và cả nước	NSNN, vốn nhà đầu tư
25	Trung tâm trải nghiệm giáo dục theo tiêu chuẩn quốc tế	Vốn nhà đầu tư
IX	Y tế - Xã hội	
26	Bệnh viện đa khoa hạng đặc biệt	NSNN, vốn nhà đầu tư
27	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
28	Hệ thống y tế tuyến xã	NSNN, các nguồn hợp pháp khác

STT	Dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Nguồn lực
29	Cơ sở y tế tư nhân theo tiêu chuẩn quốc tế	Vốn nhà đầu tư
30	Viện dưỡng lão theo tiêu chuẩn quốc tế	Vốn nhà đầu tư
X	Quy hoạch	
31	Điều chỉnh (hoặc lập mới) Quy hoạch tỉnh	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
32	Quy hoạch chung đô thị tỉnh Phú Thọ	NSNN, các nguồn hợp pháp khác
33	Quy hoạch cải tạo, chỉnh trang hai bên sông; hai bên đường sắt	NSNN

PHỤ LỤC VI
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025

Dưới sự lãnh đạo kịp thời của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân của 03 tỉnh trước đây và tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất đã phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Cụ thể:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt 7,5%/năm (giai đoạn 2015 - 2020 tăng 6,99%). GRDP bình quân đầu người ước đạt 105,2 triệu đồng (năm 2020 đạt 70,8 triệu đồng).
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - Xây dựng chiếm 53,0%, Dịch vụ chiếm 33,8%, Nông lâm nghiệp - thủy sản chiếm 13,2%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm ước đạt 598,6 nghìn tỷ đồng (tăng bình quân 13,6%/năm). Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5 năm ước đạt 247 nghìn tỷ đồng (bình quân đạt 49,5 nghìn tỷ đồng/năm).
- Kim ngạch xuất khẩu hằng năm tăng bình quân 24,6%/năm (năm 2025 ước đạt 36,8 tỷ USD).
- Đóng góp tỷ lệ kinh tế số khoảng chiếm khoảng 20% GRDP (Vĩnh Phúc đạt 26,7%, Phú Thọ đạt 16,25%, Hòa Bình đạt 10,48%). Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp TFP vào tăng trưởng kinh tế khoảng 45%.
- Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 5,76%/năm.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 30,1%.

2. Về văn hóa - xã hội

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 22,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 73,3%; trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,6%.
- Tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn tỉnh khoảng 1.834 nghìn người (tăng 130 nghìn người so năm 2020). Hằng năm tạo việc làm mới cho 58 nghìn lao động, duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp từ 1 - 1,6%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 0,94%/năm (năm 2025 ước còn 2,75%).
- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia theo chuẩn mới ở tất cả các cấp học đạt 84,2% (tăng 10,3% so với năm 2020).

- Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 13,86 bác sĩ (tăng 3,2 bác sĩ so năm 2020); số giường bệnh/1 vạn dân đạt 45,83 giường bệnh (tăng 12,7 giường bệnh so năm 2020). Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,1% (tăng 1,7% so với năm 2020).

- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 84,2%.

- Có 13/32 đơn vị cấp huyện hoàn thành chuẩn nông thôn mới (huyện Yên Lạc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao), đạt 40,6%; có 298/397 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 75,1%, 90 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, đạt 30,2%.

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người 33,1m² sàn/người (tăng 5,8m² so với năm 2020).

- Chỉ số phát triển con người (HDI): Vĩnh Phúc (cũ): 0,778; Phú Thọ (cũ): 0,724; Hòa Bình (cũ): 0,729.

3. Về môi trường

- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 92%. Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98,6%, trong đó tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 58,6% (Vĩnh Phúc: 84,1%, Phú Thọ: 47,7%, Hòa Bình: 42,15%).

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và khu dân cư tập trung đạt 98% và ở khu vực nông thôn đạt 75%. Tỷ lệ chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 82,4%. Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn đạt 56,3%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 43,5%.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐỘT PHÁ⁴¹

1. Thực hiện đột phá về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, giải phóng các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tăng cường lập và quản lý quy hoạch

Huy động nguồn lực đầu tư đạt kết quả tích cực⁴²; cơ cấu vốn đầu tư dịch chuyển theo hướng tăng tỷ trọng khu vực ngoài nhà nước và vốn FDI (từ 78,6% giai đoạn 2016-2020 lên 80,3%). Huy động vốn ngân sách nhà nước đạt 109,9 nghìn tỷ đồng⁴³; tập trung đầu tư, nâng cấp các công trình, dự án giao thông kết nối liên vùng,

⁴¹ Nhiệm kỳ 2020-2025, tỉnh Phú Thọ cũ đề ra 01 đột phá: Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tỉnh Vĩnh Phúc đề ra 03 khâu đột phá: (i) Tập trung xây dựng cơ chế chính sách đặc thù để thu hút, giải phóng các nguồn lực cho phát triển; Quy hoạch để phát triển 01 khu công nghiệp công nghệ cao; Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo của tỉnh; (ii) Đẩy mạnh đô thị hóa cùng với xây dựng nông thôn mới nâng cao; (iii) Đột phá trong công tác cán bộ và tổ chức bộ máy; tỉnh Hòa Bình đề ra 04 đột phá chiến lược: (i) Công tác lập quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định của pháp luật; (ii) Hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư; (iii) Phát triển nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm, tăng năng suất lao động; (iv) Phát triển kết cấu hạ tầng.

⁴² Tổng vốn đầu tư phát triển 5 năm ước đạt 598,6 nghìn tỷ đồng (tăng bình quân 13,6%/năm); trong đó vốn đầu tư ngoài nhà nước đạt 349,9 nghìn tỷ đồng (tăng 16,1%/năm), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 130,5 nghìn tỷ đồng (tăng 8,1%/năm), vốn ngân sách nhà nước đạt 118,1 nghìn tỷ đồng, (tăng 13,7%/năm).

⁴³ Phú Thọ: 24,1 nghìn tỷ đồng, Vĩnh Phúc: 52,5 nghìn tỷ đồng, Hòa Bình: 33,3 nghìn tỷ đồng.

kết nối các khu, cụm công nghiệp, tạo không gian, động lực phát triển mới.

Công tác GPMB được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều giải pháp đồng bộ⁴⁴; ưu tiên bố trí 504,7 tỷ đồng cho Quỹ phát triển đất để thực hiện GPMB, bàn giao cho các công trình, dự án trọng điểm⁴⁵; nhiều dự án đã được bàn giao mặt bằng sớm, nhất là công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn các tỉnh⁴⁶.

Quyết liệt thực hiện cải cách hành chính với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tập trung rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ, bãi bỏ các TTHC không cần thiết; đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến⁴⁷. Kết quả xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính được cải thiện, xếp hạng mức khá so với cả nước⁴⁸.

Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã đạt kết quả tích cực; đến nay có tổng số 37,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập⁴⁹, chiếm gần 4% số doanh nghiệp cả nước, thu hút khoảng 510 nghìn lao động; phát triển thêm trên 1 nghìn hợp tác xã, lũy kế có trên 2 nghìn hợp tác xã, trong đó trên 1,1 nghìn hợp tác xã đang hoạt động. Hoạt động xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh, chủ động tiếp cận trực tiếp các nhà đầu tư lớn, tiềm năng; đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp⁵⁰; thu hút được một số dự án⁵¹ có quy mô lớn, giá trị gia tăng cao.

2. Thực hiện đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo không gian phát triển mới, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư, hoàn thành một số dự án giao thông quan trọng, kết nối liên vùng, các khu công nghiệp, vùng nguyên liệu, khu dịch vụ, du lịch với hệ thống giao thông quốc gia. Toàn tỉnh hiện có khoảng hơn 131km đường cao tốc, 941,9km đường quốc lộ, 1.898,5km đường tỉnh lộ, 1.438,8km đường

⁴⁴ Ban hành các nghị quyết của Tỉnh ủy, thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, đơn vị chuyên trách cấp huyện, cam kết của người đứng đầu cấp huyện trong công tác GPMB; ban hành đầy đủ, kịp thời các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hằng năm thực hiện rà soát tổng thể các dự án, lựa chọn các dự án trọng điểm, các dự án có vướng mắc, chậm tiến độ để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng kế hoạch phối hợp giữa UBND và MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp để tuyên truyền, vận động nhân dân trong công tác GPMB.

⁴⁵ Phú Thọ: 231,4 tỷ đồng, Vĩnh Phúc: 184,3 tỷ đồng, Hòa Bình: 89 tỷ đồng.

⁴⁶ Cầu Phong Châu mới; đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, dự án bảo trì Quốc lộ 2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì, dự án cải tạo mở rộng Quốc lộ 2 đoạn từ thành phố Vĩnh Yên đi thành phố Phúc Yên, cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình, cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Xuân Mai - Hòa Bình; đường dây 500KV Lào Cai - Vĩnh Yên, Trạm biến áp 220kV Nghĩa Lộ và đường dây 220kV đầu nối Nghĩa Lộ - TBA 500kV Việt Trì,...

⁴⁷ Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 85,6% (Phú Thọ đạt 81,7%, Vĩnh Phúc đạt 89%; Hòa Bình đạt 88,7%); tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn và trong hạn hằng năm đạt trên 99%.

⁴⁸ Phú Thọ: Chỉ số PCI năm 2024 xếp thứ 8/63 địa phương (tăng 4 bậc so năm 2020). Chỉ số SIPAS năm 2024 xếp thứ 18/63. Chỉ số PAR INDEX năm 2024 xếp thứ 11/63 địa phương. Chỉ số PAPI năm 2024 xếp thứ 18/63 địa phương (tăng 20 bậc so năm 2020). Vĩnh Phúc: Chỉ số PCI năm 2024 xếp thứ 25/63 địa phương (giảm 8 bậc so năm 2020). Chỉ số SIPAS năm 2024 xếp thứ 33/63 (giảm 27 bậc so năm 2020). Chỉ số PAR INDEX năm 2024 xếp thứ 30/63 địa phương (giảm 15 bậc so năm 2020). Hòa Bình: Chỉ số PCI năm 2024 xếp thứ 60/63 địa phương (giảm 16 bậc so năm 2020). Chỉ số SIPAS năm 2024 xếp thứ 25/63 (tăng 28 bậc so năm 2020). Chỉ số PAR INDEX năm 2024 xếp thứ 25/63 địa phương (tăng 29 bậc so năm 2020). Chỉ số PAPI năm 2024 xếp thứ 32/63 địa phương (giảm 21 bậc so năm 2020).

⁴⁹ Phú Thọ cũ 13.600 doanh nghiệp, Vĩnh Phúc 18.303 doanh nghiệp, Hòa Bình 5.400 doanh nghiệp. Giai đoạn 2021- 2025, có 12,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, vốn đăng ký 235,9 nghìn tỷ đồng.

⁵⁰ Thành lập Tổ công tác đặc biệt, đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp; chuyên môn hóa sâu các hoạt động xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp; triển khai mô hình “Cà phê doanh nhân”. Cải thiện, nâng cao các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI; giao trách nhiệm cụ thể cho từng sở, ngành, địa phương. Tổ chức nhiều hội nghị đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp nhân Ngày Doanh nhân Việt Nam; chủ động nắm bắt, trao đổi, tư vấn để tiếp nhận, phản hồi và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp.

⁵¹ Ước 5 năm thu hút mới 596 dự án đầu tư tư nhân (DDI), vốn đăng ký 171,9 nghìn tỷ đồng; 232 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn đăng ký đạt trên 3,5 tỷ USD; quy mô bình quân 01 dự án mới DDI trên 285,4 tỷ đồng, bình quân 01 dự án FDI 15,2 triệu USD.

đô thị, 25.435km đường giao thông nông thôn⁵²; tỷ lệ đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 81,5%; hoàn thành một số công trình giao thông trọng điểm⁵³.

Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp được chú trọng đầu tư, mở rộng⁵⁴. Hạ tầng đô thị tiếp tục hoàn thiện theo hướng đồng bộ, hiện đại⁵⁵. Hạ tầng cung cấp điện cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển và bảo đảm an ninh năng lượng⁵⁶. Hạ tầng cấp nước sạch tiếp tục được nâng cấp, mở rộng⁵⁷.

Hạ tầng thương mại, dịch vụ được mở rộng với mạng lưới phân phối hiện đại, rộng khắp ở cả đô thị và nông thôn. Hạ tầng du lịch phát triển, toàn tỉnh có 44 khu, điểm du lịch, nhiều khu, điểm du lịch trọng điểm của tỉnh đã thu hút được lượng lớn khách du lịch⁵⁸.

Hạ tầng cho giáo dục⁵⁹, y tế⁶⁰ được chú trọng đầu tư; các thiết chế văn hóa, thể thao⁶¹,... được nâng cấp, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị và tổ chức sự kiện tầm khu vực và quốc tế. Hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số phát triển nhanh⁶².

⁵² Giai đoạn 2021 - 2025: Phú Thọ: Có 90,6km/02 tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Lào Cai và Tuyên Quang - Phú Thọ; 531km quốc lộ; 844km đường tỉnh; 502,3km đường đô thị; 10.922km đường GTNT; tỷ lệ kiên cố hóa đường GTNT đạt 85%. Vĩnh Phúc: Có 40,4km/01 tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Lào Cai; 88km đường quốc lộ; 514km đường tỉnh và tương đương; 309km đường đô thị; 5.042km đường GTNT; tỷ lệ kiên cố hóa đường GTNT đạt 100%. Hoà Bình: Có 322,88km quốc lộ; 540,51km đường tỉnh; 627,5km đường đô thị; 9.471 km đường GTNT; tỷ lệ kiên cố hóa đường GTNT đạt 68%.

⁵³ Cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ; đường giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C từ Phú Thọ đi Yên Bái (tuyến chính 53km), đường Vành đai 2, đoạn từ QL.2B đến QL.2C, cầu Vĩnh Phú qua sông Lô, cầu Phong Châu mới bắc qua sông Hồng...; tích cực triển khai đầu tư đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (34km), cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình (23km), đường vành đai 3, vành đai 5...

⁵⁴ 16 KCN đã đi vào hoạt động (Phú Thọ: 04 KCN, tỷ lệ lấp đầy 74,7%; Vĩnh Phúc: 09 KCN, tỷ lệ lấp đầy 45,8%; Hòa Bình: 03 KCN, tỷ lệ lấp đầy 32,4%), hoàn thiện chủ trương chấp thuận đầu tư, thành lập mới 08 KCN (Gồm: Thái Hoà - Liên Sơn - Liên Hoà; Tam Dương I-KV2; Sông Lô I; Sông Lô II; Nam Bình Xuyên; Phúc Yên; Đồng Sóc; Bình Xuyên II - GD2). Các KCN đã thu hút 521 dự án FDI (vốn đăng ký gần 10,3 tỷ USD), 325 dự án DDI (vốn đăng ký 75 nghìn tỷ đồng); từ năm 2021 đến nay, thu hút 178 dự án FDI (vốn đăng ký trên 3,1 tỷ USD), 148 dự án DDI (vốn đăng ký 35,6 nghìn tỷ đồng). Có 60 CCN đang hoạt động, thu hút 911 dự án đầu tư thứ cấp, 3,57 nghìn lao động. Quy hoạch đến 2030 tổng số 57 KCN với tổng diện tích quy hoạch là 13.380 ha; 126 CCN với tổng diện tích quy hoạch là 6.654 ha.

⁵⁵ Có 01 đô thị loại I (thành phố Việt Trì), 02 đô thị loại II (thành phố Vĩnh Yên, thành phố Hòa Bình), 02 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV, 53 đô thị loại V.

⁵⁶ 100% số xã, phường, 100% số hộ dân trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia. Hoàn thành dự án đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên (qua địa bàn hơn 81km). Ngoài nhà máy thủy điện Hòa Bình công suất 1.920 MW, hiện nay có 11 dự án thủy điện nhỏ đã hoàn thành phát điện thương mại với tổng công suất 39,75 MW; đang triển khai thi công xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng công suất 480MW; có các TBA 500kV, 220kV, 110kV được đầu tư đồng bộ với hệ thống hạ tầng lưới điện.

⁵⁷ Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đến năm 2025 ước đạt 92,0%, nước hợp vệ sinh đạt 100%; tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 98,6%. Có 40 nhà máy nước đang khai thác và cấp nước sạch cho tỉnh và địa phương lân cận; 619 công trình nước sạch nông thôn, trong đó: Phú Thọ có 202 công trình cấp nước sạch nông thôn; 14 công trình cấp nước sạch đô thị tham gia cấp nước sạch nông thôn; Vĩnh Phúc có 42 công trình nước sạch nông thôn; 16 công trình cấp nước sạch đô thị tham gia cấp nước sạch nông thôn; Hòa Bình có 375 công trình cấp nước sạch nông thôn, 10 công trình cấp nước sạch đô thị tham gia cấp nước sạch nông thôn.

⁵⁸ Một số khu du lịch: Khu di tích lịch sử Đền Hùng, Khu du lịch Tam Đảo, Khu du lịch Đại Lải, Khu danh thắng Tây Thiên, Khu du lịch Hồ Hoà Bình, Vườn quốc gia Xuân Sơn, Đồi chè Long Cốc, Khu nghỉ dưỡng Wyndham Lynn Times Thanh Thủy, Khu du lịch Suối Khoáng Kim Bôi, Khu du lịch Bán Lác, Mai Châu Hòa Bình... Toàn tỉnh có 1.519 cơ sở lưu trú du lịch (181 khách sạn trong đó có 05 khách sạn 5 sao, 1.101 nhà nghỉ, 237 homestay đạt tiêu chuẩn phục khách du lịch) với hơn 20,1 nghìn buồng, 94 doanh nghiệp lữ hành, trong đó 17 doanh nghiệp lữ hành quốc tế.

⁵⁹ Hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động Trường THPT chuyên Hùng Vương, Trường THPT chuyên Vĩnh Phúc với quy mô và kiến trúc hiện đại; cùng với một số trường: THPT Trần Hưng Đạo; THPT Nguyễn Thị Giang; THPT Trần Phú;...

⁶⁰ Một số cơ sở y tế được đầu tư, mở rộng: Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc, Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Thọ, Bệnh viện sản nhi Vĩnh Phúc; các Trung tâm y tế Thanh Ba, Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Cẩm Khê, Phù Ninh, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Sông Lô, Yên Lạc, Lập Thạch, Phúc Yên, Lạc Sơn, Yên Thủy, Hòa Bình.

⁶¹ Giai đoạn 2021 - 2025 huy động nguồn vốn xã hội hóa đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình văn hóa, thể thao. Hoàn thành một số công trình: Nhà văn hóa nghệ thuật Phú Thọ, Di tích Bác Hồ về thăm Tập đoàn sản xuất Chí Hoà (Hòa Bình), 28/28 khu thiết chế văn hóa - thể thao tại các Làng văn hóa kiểu mẫu (Vĩnh Phúc). Có 20 thiết chế văn hóa - thể thao cấp tỉnh; 433 nhà văn hóa kiêm trung tâm học tập cộng đồng xã, phường.

⁶² Có 5 nhà cung cấp dịch vụ điện thoại và 5 nhà cung cấp dịch vụ Internet. Mạng thông tin di động 3G, 4G toàn tỉnh đạt 100%, triển khai phát sóng thông tin di động công nghệ 5G tại các đô thị lớn; tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh ước đạt 87,5%.

3. Thực hiện đột phá về phát triển nguồn nhân lực đạt kết quả tích cực.

Quy mô, chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện; lao động đang làm việc trên địa bàn khoảng 1.833 nghìn người (tăng 126 nghìn người so với năm 2021); tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 73,3% (tăng 4% so với năm 2021), trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,6% (tăng 3,1% so với năm 2021)⁶³. Sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ được quan tâm; tỷ lệ công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học có xu hướng tăng nhanh (từ 69,8% năm 2020 lên 82,8% năm 2025); độ tuổi công chức, viên chức được trẻ hóa, bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tổ chức mở 2.046 lớp đào tạo, bồi dưỡng và cử hơn 179 nghìn lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

4. Đẩy mạnh đô thị hóa cùng với xây dựng nông thôn mới

Tỉnh đã ban hành và tổ chức thực hiện nhiều chương trình, đề án⁶⁴, với mục tiêu trọng tâm xây dựng các khu vực đô thị xanh - sạch - đẹp - văn minh, hướng đến phát triển bền vững, hiện đại, có bản sắc và đồng bộ. Đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 30%, tăng khoảng 6% so năm 2020.

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả nổi bật; dự kiến có 73/133 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 06/133 xã đạt nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu (trước hợp nhất, 03 tỉnh có 13/32 đơn vị cấp huyện hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới; có 298/397 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 90/397 xã đạt nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu⁶⁵). Diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, khang trang; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho Nhân dân ở khu vực nông thôn được nâng cao.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Kinh tế duy trì đà tăng trưởng tích cực, chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu, năng lực cạnh tranh từng bước được nâng lên. Có thời điểm kinh tế gặp nhiều khó khăn khi chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 và phục hồi chậm của kinh tế toàn cầu, song vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực⁶⁶; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân ước đạt 7,5%/năm, cao hơn giai đoạn 2016 - 2020 (7,0%/năm) và cao hơn bình

⁶³ Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận): Phú Thọ 72% (36,1%), Vĩnh Phúc 82% (40%), Hòa Bình 64,5% (24%).

⁶⁴ Đề án Xây dựng đô thị thông minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án chỉnh trang đô thị đến năm 2030; Đề án Phát triển bền vững đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,...

⁶⁵ Phú Thọ có 06/13 đơn vị cấp huyện, 70,6% xã (127/180 xã) đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; Vĩnh Phúc có 04/09 đơn vị cấp huyện, 100% xã (88/88 xã) đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; Hòa Bình có 03/10 đơn vị cấp huyện, 64,3% xã (83/129 xã) đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, huyện Yên Lạc đạt chuẩn NTM nâng cao.

⁶⁶ Tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, ưu tiên đảm bảo mục tiêu tăng trưởng; quyết liệt chỉ đạo, triển khai Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 25/NQ-CP, ngày 05/2/2025 của Chính phủ về Đề án, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 để tạo đà, tạo lực cho mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030.

quân chung của cả nước (6,3%/năm); khu vực công nghiệp có vai trò chủ lực, chiếm 54,3% tổng giá trị gia tăng. Quy mô kinh tế năm 2024 đạt 354,6 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 6/34 cả nước, dự kiến năm 2025 đạt 390 nghìn tỷ đồng (gấp 1,56 lần so năm 2020); GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 105,2 triệu đồng, tăng 1,48 lần so năm 2020. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch tích cực, tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 86,8% và khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm khoảng 13,2% (tỷ trọng năm 2020 lần lượt là 82,7% và 17,3%).

1.2. Phát triển nông nghiệp theo hướng an toàn, sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị sản phẩm; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới. Tăng trưởng bình quân ước đạt 3,6%/năm⁶⁷. Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng hàng hóa, nhu cầu thị trường; giá trị sản xuất ước đạt 162,9 triệu đồng/ha đất canh tác trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (tăng 20,3 triệu đồng so năm 2020)⁶⁸. Chương trình OCOP tiếp tục phát triển⁶⁹. Duy trì tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; có 60,7 nghìn ha rừng được cấp chứng chỉ phát triển bền vững, diện tích rừng gỗ lớn được mở rộng đạt trên 26,8 nghìn ha.

1.3. Công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao, động lực chính đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. Bình quân tăng trên 10,6%/năm⁷⁰ cao hơn bình quân của cả nước (6,6%) và bình quân giai đoạn trước (9,7%). Thu hút một số dự án công nghiệp có quy mô lớn⁷¹. Tỷ trọng đóng góp của công nghiệp trong GRDP tăng từ 35,9% năm 2020 lên 41,5% năm 2025⁷².

1.4. Khu vực dịch vụ phát triển ổn định, đáp ứng tốt cho sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tăng trưởng bình quân ước đạt 7%/năm⁷³ (giai đoạn 2016 -2020 tăng 6,6%). Kết nối cung cầu, xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng được đẩy mạnh. Hệ thống các kênh phân phối phát triển đa dạng, rộng khắp cả đô thị và nông thôn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đạt gần 195 nghìn tỷ đồng, gấp 1,9 lần so năm 2020. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh, năm 2025 ước đạt 36,8 tỷ USD, gấp 2,2 lần so năm 2020 (chiếm khoảng 8,5% giá trị xuất khẩu

⁶⁷ Tốc độ tăng nông nghiệp bình quân: Phú Thọ 3,6%/năm, Vĩnh Phúc 3,0%/năm, Hòa Bình 4,0%/năm.

⁶⁸ Hình thành một số vùng chuyên canh: Lúa diện tích trên 56 nghìn ha; rau 4,2 nghìn ha; cây ăn quả 15,6 nghìn ha; chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại: đàn lợn 454,4 nghìn con, đàn gà 5,3 triệu con, đàn bò 13,9 nghìn con. Hiện có 3,9 nghìn ha được cấp chứng nhận VietGAP; 153 ha chứng nhận GlobalGAP; 1,9 nghìn ha chứng nhận RA; 108,6 ha chứng nhận hữu cơ và đã cấp 732 mã vùng trồng với tổng diện tích 9,1 nghìn ha. Hình thành 219 chuỗi cung cấp thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu bưởi (bưởi Đoàn Hùng, bưởi đỏ ở Tân Lạc, bưởi diễn ở Yên Thủy); liên kết sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu chuối tại Lương Sơn, Cao Phong, Hạ Hòa,... Chăn nuôi bò sữa tại huyện Vĩnh Tường, Lập Thạch, Tam Đảo... đã liên kết tiêu thụ với 2 Công ty sữa lớn (Vinamilk, cô gái Hà Lan); chăn nuôi lợn liên kết với công ty CP,...

⁶⁹ Có 593 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên (trong đó có 5 sản phẩm hạng 5 sao), tăng 481 sản phẩm so năm 2020. Dự kiến hết năm 2025 có 704 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên (06 sản phẩm hạng 5 sao, dự kiến có thêm 1 sản phẩm Sét quạ Con Cui của CTCP Lita Foods).

⁷⁰ Tốc độ tăng công nghiệp bình quân: Phú Thọ 13,1%/năm, Vĩnh Phúc 10,4%/năm, Hòa Bình 8,5%/năm.

⁷¹ Phú Thọ: Nhà máy MDF Mê Kông; Nhà máy gạch Tasa (số 2); Nhà máy gạch Granite; Nhà máy gạch Takao Granite; Nhà máy điện tử BYD (Trung Quốc); dự án V.Sun (Nhật Bản); Nhà máy dệt Regent (Hong Kong); Dự án Hanyang DGT (Hàn Quốc); Nhà máy cao su Inoue VN (Nhật Bản); Nhà máy linh kiện điện tử của Công ty Jahawa electronics (Hàn Quốc); Dự án Innovation VN (Hàn Quốc)... Vĩnh Phúc: Các dự án Ojtex, Kraft Vina, Asahi intec Hà Nội, CNC Tech, Signetics, Polaris Việt Nam, FPT; một số dự án mở rộng: Piaggio Việt Nam, BHFflex Vina, Kitz corporation Việt Nam. Công nghiệp phụ trợ tiếp tục được phát triển, trong đó đã có hơn 70 doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng linh kiện cho các tập đoàn Samsung, Dell, Apple; Hòa Bình: Nhà máy xi măng Xuân Thiện; Nhà máy xi măng Xuân Sơn; Nhà máy sản xuất, chế tạo các bảng mạch in điện tử (PCB).

⁷² Tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng trưởng khá chiếm khoảng 35% GRDP, nhất là các ngành sản xuất linh kiện điện tử, ô tô, xe máy, dệt may, thức ăn chăn nuôi, gạch ốp lát. Công nghiệp thủy điện tăng trưởng khá, sản lượng điện tăng từ 9.420 MWh năm 2020 lên 10.470 MWh năm 2025.

⁷³ Tốc độ tăng ngành dịch vụ bình quân: Phú Thọ: 6,3%/năm, Vĩnh Phúc: 7,5%/năm, Hòa Bình: 8,5%/năm.

của cả nước)⁷⁴. Từng bước hình thành và phát triển dịch vụ logistics (đưa vào hoạt động giai đoạn 01 Trung tâm logistics ICD Vĩnh Phúc). Du lịch có bước phát triển khá, sản phẩm đa dạng hơn; thu hút được một số dự án đầu tư lĩnh vực du lịch quy mô lớn⁷⁵, tạo điểm nhấn thu hút khách thăm quan trong và ngoài nước, thúc đẩy du lịch phục hồi nhanh⁷⁶.

1.5. Hoạt động tài chính, tín dụng ổn định; sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công. Thu ngân sách nhà nước đạt khá, tổng thu 05 năm ước đạt gần 247 nghìn tỷ đồng (bình quân hằng năm đạt 49,4 nghìn tỷ đồng); năm 2025 dự kiến đạt khoảng 52 nghìn tỷ đồng⁷⁷. Điều hành nhiệm vụ chi theo hướng tiết kiệm, hiệu quả. Huy động 109,9 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công trung hạn (NSTW: 34,1 nghìn tỷ đồng; NSDP: 75,8 nghìn tỷ đồng), đã phân bổ 101 nghìn tỷ đồng (đạt 91,9% kế hoạch)⁷⁸. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công hằng năm nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước (đạt trên 95%); năm 2025 phấn đấu đạt 100% vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Tổng vốn thương mại huy động đạt trên 320 nghìn tỷ đồng, tăng 77,8% (140 nghìn tỷ đồng) so năm 2020, tăng trưởng bình quân đạt 12,9%/năm; dư nợ cho vay ước đạt 340 nghìn tỷ đồng, tăng 69,8% (139,8 nghìn tỷ đồng)⁷⁹.

1.6. Quản lý chặt chẽ tài nguyên, khoáng sản; chú trọng bảo vệ môi trường. Hoàn thành việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 cấp tỉnh, huyện; ban hành kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm. Đẩy mạnh triển khai Luật Đất đai 2024. Tập trung giải quyết tồn đọng về đất đai; xác định ranh giới đất nông, lâm trường. Tăng cường quản lý đất công ích, đất quốc phòng, an ninh. Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản và khoanh vùng cấm khai thác cát, sỏi lòng sông theo quy định. Chú trọng bảo vệ môi trường, kiểm soát nguồn thải; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và khu dân cư tập trung đạt 98%⁸⁰. Đưa vào vận hành Nhà máy rác Tam Hồng. Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, đầu tư thiết bị cảnh báo thiên tai, cải tạo hồ đập, đề điều đảm bảo an toàn và nguồn nước cho dân sinh, sản xuất.

1.7. Hoạt động khoa học và công nghệ được quan tâm. Triển khai kịp thời Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển

⁷⁴ Phú Thọ: 16 tỷ USD, Vĩnh Phúc: 18,5 tỷ USD, Hòa Bình: 2,3 tỷ USD.

⁷⁵ Một số dự án hoàn thành: Tổ hợp hotel và resort nghỉ dưỡng khoáng nóng 5 sao Wyndham Thanh Thủy; Sân golf Văn Lang Empire; Nhà văn hóa nghệ thuật Phú Thọ; Khu du lịch Tam Đảo trở thành khu du lịch Quốc gia thứ 7 của Việt Nam, Tổ hợp Khách sạn và Trung tâm hội nghị quốc tế FLC Vĩnh Phúc, Công viên vui chơi, giải trí và sân vận động thành phố Vĩnh Yên; Tuyến cáp treo Hương Bình huyện Lạc Thủy, Khu du lịch sinh thái Ngòi Hoa, Sân golf Kỳ Sơn... Đang triển khai một số dự án lớn như: Đầm Ao Châu; Khu du lịch Bắc Ngọc Thanh, mở rộng khu du lịch Đại Lải; triển khai thủ tục đầu tư Khu du lịch Tam Đảo II; Quần thể khu đô thị sinh thái, vui chơi giải trí cao cấp và hệ thống cáp treo Cuối Hạ, dự án Sân golf quốc tế Quang Tiến, Thung lũng suối nguồn Hương Bình...

⁷⁶ Tổng lượt khách thăm quan ước đạt trên 83 triệu lượt (có trên 1,2 triệu lượt khách quốc tế và gần 24 triệu lượt khách lưu trú); tổng doanh thu từ khách du lịch ước đạt trên 52,3 nghìn tỷ đồng. Hợp tác phát triển du lịch với Hà Nội, các tỉnh Tây Bắc, TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long gắn với quảng bá du lịch.

⁷⁷ Thu từ sản xuất kinh doanh trên địa bàn đạt 215 nghìn tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 32 nghìn tỷ đồng. Trước hợp nhất, thu NSNN bình quân hằng năm của các tỉnh: Phú Thọ trên 9,2 nghìn tỷ đồng, Vĩnh Phúc trên 33,4 nghìn tỷ đồng, Hòa Bình 6,4 nghìn tỷ đồng.

⁷⁸ Phú Thọ: 24.554 tỷ đồng (NSTW 9.970 tỷ đồng, NSDP 14.484 tỷ đồng). Vĩnh Phúc: 52.754 tỷ đồng (NSTW 3.225,4 tỷ đồng, NSDP 49.529 tỷ đồng); Hòa Bình: 33.316,2 tỷ đồng (NSTW 20.925,2 tỷ đồng, NSDP 12.391 tỷ đồng).

⁷⁹ Dư nợ cho vay đến cuối năm 2025: Phú Thọ ước đạt 130 nghìn tỷ đồng, tăng 80,5% (58 nghìn tỷ đồng); Vĩnh Phúc ước đạt 161,5 nghìn tỷ đồng, tăng 83,5% (73,5 nghìn tỷ đồng); Hòa Bình ước đạt 48,5 nghìn tỷ đồng, tăng 97,1% (23,9 nghìn tỷ đồng).

⁸⁰ Phú Thọ 95,3%, Vĩnh Phúc 98%, Hòa Bình 95%.

khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Huy động 684,2 tỷ đồng (vốn ngoài ngân sách 299 tỷ đồng) triển khai thực hiện 435 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng 365 mô hình, tư vấn chuyển giao 281 quy trình công nghệ tiên tiến và 80 bộ giải pháp, trong đó một số mô hình ứng dụng đã đem lại hiệu quả tích cực⁸¹. Đẩy mạnh các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo⁸², bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, cải tiến năng suất, chất lượng.

2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm phát triển toàn diện, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao

2.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục đổi mới theo hướng căn bản, toàn diện. Chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn được đánh giá cao và nằm trong топ dẫn đầu về điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp THPT của cả nước⁸³; nhiều năm liên tục đạt thứ hạng cao trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế và khu vực. Mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư khang trang, chuẩn hóa; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 84,2%⁸⁴. Xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, mạng lưới cơ sở giáo dục ngoài công lập phát triển. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng lên. Phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được triển khai đồng bộ, tạo sự lan tỏa rộng khắp. Hệ thống đào tạo, giáo dục nghề nghiệp (GDNN) tiếp tục sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả; định hướng GDNN và phân luồng học sinh sau THCS được quan tâm, tỷ lệ học sinh học GDNN tăng hằng năm. Chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng cao, tiệm cận với xu hướng phát triển của cả nước. Chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo và truyền nghề đạt 73,3%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận đạt 34,6%.

2.2. Công tác y tế, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân có tiến bộ; năng lực hoạt động y tế ở cơ sở được tăng cường. Chỉ đạo triển khai linh hoạt, hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19, đảm bảo tốt “mục tiêu kép” vừa kiểm soát hiệu quả dịch bệnh vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Kiểm soát tốt các loại dịch bệnh, không để bùng phát thành dịch lớn. Năng lực và chất lượng khám, chữa

⁸¹ Công nghệ tự động hóa nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng hiệu quả sản xuất nấm đùi gà; công nghệ nuôi cấy mô tế bào; kỹ thuật thủy canh, canh tác trên giá thể không đất đã được áp dụng vào trồng rau, hoa trong nhà lưới, nhà kính và nhân giống cây lâm nghiệp; sản xuất Nano đông trùng hạ thảo và sản phẩm thực phẩm bổ sung kết hợp du lịch trải nghiệm; bảo chế hỗn dịch khí dung Budesonide điều trị hen phế quản và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; nghiên cứu bảo chế thuốc điều trị tăng huyết áp dạng phối hợp Amlodipin và Losartan góp phần giảm bớt thuốc nhập ngoại. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến dược liệu ích mẫu, Diệp hạ châu và Hùng quế theo tiêu chuẩn GACP - WHO; mô hình ương giống và nuôi thương phẩm tôm càng xanh toàn đực.

⁸² Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) năm 2024 của các tỉnh: Phú Thọ đứng thứ 17/63 địa phương, Vĩnh Phúc đứng thứ 20/63 địa phương, Hòa Bình đứng thứ 43/63 địa phương.

⁸³ Kết quả thi THPT: tỉnh Phú Thọ liên tiếp duy trì топ 10 cả nước; tỉnh Vĩnh Phúc 2 năm liên tiếp đứng vị trí số 1 cả nước.

⁸⁴ Trước hợp nhất các tỉnh, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia: Phú Thọ 95,9%, Vĩnh Phúc 89,9%, Hòa Bình 60,8%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (trong đó có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận) tương ứng: Phú Thọ 72% (36,1%), Vĩnh Phúc 82% (40%), Hòa Bình 64,5% (24%).

bệnh của các cơ sở y tế được nâng lên; ứng dụng nhiều kỹ thuật chuyên sâu, hiện đại trong chẩn đoán, điều trị⁸⁵. Tỷ lệ bác sĩ, giường bệnh trên 1 vạn dân đạt 13,86 bác sĩ và 45,83 giường bệnh⁸⁶; tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 95,1%. Xã hội hóa trong khám, chữa bệnh được đẩy mạnh; có 09 bệnh viện ngoài công lập, 1.055 phòng khám tư nhân⁸⁷. Công tác dân số, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em có bước tiến bộ; giảm dần tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em và trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng. Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn trên địa bàn.

2.3. Hoạt động văn hoá, thể thao, thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình, văn học nghệ thuật có nhiều tiến bộ. Di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh và bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy, từng bước gắn với phát triển du lịch. Toàn tỉnh có 182 di tích quốc gia, 792 di tích cấp tỉnh, 2.231 di sản văn hóa phi vật thể; trong đó có 05 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, 53 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia⁸⁸. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư đồng bộ, phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt, tổ chức sự kiện trong nước và quốc tế. Các hoạt động văn hóa, lễ hội truyền thống được tổ chức thường xuyên, tạo sự lan tỏa của không gian văn hoá vùng đất Tổ⁸⁹. Phong trào văn hóa cơ sở, thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh. Nhiều giải thể thao cấp quốc tế và quốc gia được tỉnh đăng cai tổ chức thành công. Vận động viên của tỉnh đã giành được 414 huy chương vàng ở các giải trong nước và quốc tế. Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, tạo môi trường truyền thông lành mạnh, định hướng dư luận, phản bác hiệu quả thông tin xấu độc. Báo chí, truyền thông tích cực chuyển đổi số, đa dạng hóa nền tảng và nội dung, đáp ứng nhu cầu công chúng, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp.

2.4. Việc làm, đời sống của người lao động được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo; công tác dân tộc, tôn giáo được chú trọng. Tổng số lao động đang làm việc trên địa bàn tỉnh khoảng 1.834 nghìn người (tăng 130 nghìn người so năm

⁸⁵ 94,8% trạm y tế xã có bác sĩ (tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc đạt 100%), 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện sử dụng phần mềm quản lý và ứng dụng trong khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực y tế được tăng cường hạ tầng, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư: Nâng cấp 08 Bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế tuyến huyện (tỉnh Phú Thọ); hoàn thành đầu tư Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh, Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên (tỉnh Vĩnh Phúc); các Trung tâm Y tế tuyến huyện. Tỉnh Hòa Bình hoàn thành đầu tư 4 trung tâm y tế (TTYT) tuyến huyện tại Lạc Sơn, Yên Thủy, Cao Phong và thành phố Hòa Bình.

⁸⁶ Phú Thọ: Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 15,3 bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 55,5 giường bệnh; Vĩnh Phúc: Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 16,3 bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 52 giường bệnh; Hòa Bình: Số bác sĩ/1 vạn dân đạt 10 bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 30 giường bệnh.

⁸⁷ Phú Thọ có 03 bệnh viện ngoài công lập, 348 phòng khám tư nhân; Vĩnh Phúc có 5 bệnh viện ngoài công lập, 503 phòng khám tư nhân, Hòa Bình có 01 bệnh viện ngoài công lập, 204 phòng khám tư nhân.

⁸⁸ 05 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại là Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hát Xoan Phú Thọ, Hát Ca Trù của người Việt, Nghi lễ và trò chơi kéo co, Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt. Di sản văn hóa Mo Mường hiện đã lập hồ sơ trình UNESCO. Phú Thọ có 01 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 74 di tích cấp quốc gia, 254 di tích cấp tỉnh, 22 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Vĩnh Phúc có 04 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 63 di tích cấp quốc gia, 464 di tích cấp tỉnh; 07 di sản được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; Hòa Bình có 02 di tích hạng cấp quốc gia đặc biệt, 41 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, 786 loại hình di sản văn hóa phi vật thể của 5 dân tộc thiểu số (Mường, Thái, Tày, Dao, Mông).

⁸⁹ Các hoạt động văn hóa được tổ chức thường xuyên: Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ hội Tây Thiên, Lễ hội Kéo song, Lễ hội đèn Ngự Dội, Lễ hội Chiềng Mường, Lễ hội Chùa Tiên, Lễ hội Khai hạ, Ngày hội Du lịch Xuân.

2020). Hằng năm tạo việc làm mới cho 58 nghìn lao động, duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp từ 1 - 1,6%. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 24,8% năm 2021 xuống 22,5% năm 2025. Năng suất lao động được cải thiện, đạt 212,2 triệu đồng, tăng bình quân 5,8%/năm; thu nhập bình quân lao động ước đạt 7,3 triệu đồng/tháng (gấp 1,6 lần năm 2020, bằng 91,8% bình quân chung của cả nước). Đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 4,7 triệu đồng/tháng (tăng 37% so năm 2020, bằng 89,8% bình quân chung của cả nước). An sinh xã hội được đảm bảo, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (bình quân 0,94%/năm)⁹⁰. Chính sách đối với người có công với cách mạng, bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời⁹¹. Hoàn thành gần 5,7 nghìn căn hộ nhà ở xã hội (5 năm hoàn thành trên 3,7 nghìn căn). Hoàn thành xóa 8,1 nghìn nhà tạm, nhà dột nát. Huy động trên 2.655 tỷ đồng triển khai các chương trình, chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; diện mạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngày một khởi sắc, đời sống cho người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa từng bước cải thiện⁹², bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn, phát huy.

3. Tổ chức bộ máy tinh, gọn; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường; chuyển đổi số đạt kết quả tích cực

3.1. Đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy được sắp xếp tinh, gọn. Tập trung thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, ngày 15/4/2025 của UBTV Quốc hội⁹³; sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn 148 xã, phường (giảm gần 71,1%)⁹⁴. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh, gọn, giảm đầu mối các sở⁹⁵. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp có sự đổi mới, theo hướng sâu sát, quyết liệt, chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian, rõ kết quả.

3.2. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số được chỉ đạo triển khai tích cực. Hạ tầng số được quan tâm đầu tư, nâng cấp; mạng di động 4G được phủ sóng toàn tỉnh, triển khai phát sóng 5G tại các trung tâm đô thị lớn. Các hệ thống

⁹⁰ Phú Thọ: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 0,63%; đến năm 2025 giảm còn 0,4%. Vĩnh Phúc: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 0,26%; đến năm 2025 giảm còn 0,03%. Hòa Bình: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm 2,45%; đến năm 2025 giảm còn 1,25%.

⁹¹ Đã hỗ trợ nhà ở đối với 2.459 hộ người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ, trong đó, Phú Thọ: 1.265 hộ (445 hộ xây mới, 820 hộ cải tạo, sửa chữa); Vĩnh Phúc: 932 hộ (345 hộ xây mới, 587 hộ cải tạo, sửa chữa); Hòa Bình: 262 hộ (94 hộ xây mới, 168 hộ cải tạo, sửa chữa).

⁹² Tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS&MN giảm bình quân 1,4%/năm, thu nhập bình quân tăng 1,8 lần so năm 2020.

⁹³ Thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng các đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thành lập tỉnh Phú Thọ mới trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình.

⁹⁴ Cuối năm 2024: Giảm 33 đơn vị cấp xã (Phú Thọ giảm 18 đơn vị, Vĩnh Phúc giảm 15 đơn vị). Năm 2025: Giảm 331 đơn vị hành chính cấp xã (Phú Thọ giảm 141 đơn vị, Vĩnh Phúc giảm 85 đơn vị; Hòa Bình giảm 105 đơn vị).

⁹⁵ Tỉnh Phú Thọ cũ, tỉnh Hòa Bình: Giảm 5 sở (hợp nhất Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Tài chính; hợp nhất Sở Giao thông vận tải và Sở Xây dựng; hợp nhất Sở Tài nguyên và Môi trường với Sở Nông nghiệp và PTNT; hợp nhất Sở Thông tin và Truyền thông với Sở KH&CN; hợp nhất Sở Lao động, TB&XH với Sở Nội vụ); giảm 23 phòng chuyên môn thuộc sở. Tỉnh Vĩnh Phúc: Giảm 6 sở (hợp nhất các sở như tỉnh Phú Thọ cũ và tỉnh Hòa Bình và kết thúc hoạt động Sở Ngoại vụ).

thông tin dùng chung của tỉnh được duy trì ổn định, hoạt động hiệu quả, hỗ trợ tốt cho công tác chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp. Các nhiệm vụ Đề án 06 được triển khai đồng bộ, liên thông, chia sẻ với CSDL Quốc gia về dân cư; nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC⁹⁶. Kinh tế số tiếp tục phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đều ứng dụng công nghệ số vào hoạt động quản lý, sản xuất, phân phối sản phẩm, góp phần nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Phát triển xã hội số bước đầu đạt kết quả tích cực; hình thành thói quen, kỹ năng sử dụng dịch vụ trên môi trường số; cơ bản đáp ứng tốt một số dịch vụ như: Khám bệnh, kê khai và nộp thuế, khai báo hải quan, kho bạc, bảo hiểm điện tử...; tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử đạt 75,4%; khoảng 49,0% cơ sở khám, chữa bệnh triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; gần 100% các giao dịch nộp thuế thực hiện qua tài khoản ngân hàng; hầu hết các dịch vụ điện, nước, các trường học, bệnh viện, trung tâm y tế thực hiện hình thức thanh toán điện tử.

3.3. Công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh. Tất cả các cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành, công khai và thực hiện nghiêm túc lịch tiếp công dân. Nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp, kéo dài được xem xét, giải quyết dứt điểm⁹⁷. Triển khai thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ đạo của Trung ương, kế hoạch của tỉnh về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Quyết liệt xử lý, khắc phục các sai phạm cũ và kiên quyết xử lý dứt điểm các vi phạm phát sinh mới.

3.4. Hoạt động đối ngoại ngày càng thực chất, hiệu quả, phù hợp với tình hình mới, bám sát chủ trương đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu⁹⁸. Công tác thông tin đối ngoại, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, văn hóa các chính sách thu hút đầu tư, cơ hội đầu tư, kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tới các nhà đầu tư nước ngoài và công dân của tỉnh đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài được tiến hành thường xuyên.

4. Quốc phòng được củng cố; an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo

Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân và khu vực phòng thủ tiếp tục được giữ vững. Lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng vững mạnh, tinh gọn, hiệu quả; duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình và đấu

⁹⁶ Toàn tỉnh có 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 5.952 dịch vụ (tăng 70% dịch vụ so năm 2020); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 95,5% (tăng 58%); tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết theo hình thức trực tuyến đạt 90,7% (tăng 61%), thuộc nhóm các địa phương có chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tốt nhất cả nước

⁹⁷ Từ năm 2021 đến nay, đã triển khai thực hiện 939 cuộc thanh tra, kiến nghị thu hồi 8.946,3 tỷ đồng, xử lý hành chính gần 3.400 tổ chức, cá nhân; các cơ quan đã thực hiện tiếp trên 72,5 nghìn lượt công dân, tiếp nhận trên 69,7 nghìn đơn, giải quyết xong 91,6% đơn thuộc thẩm quyền.

⁹⁸ Củng cố, phát triển các mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các địa phương nước ngoài như: Tỉnh Tochigi, tỉnh Nara (Nhật Bản); vùng Toscana (Italia); tỉnh Pernik (Bungari); tỉnh Mayabeque (Cuba); tỉnh Luông Nậm Thà, Luông Pha Băng, Hủa Phăn (Lào), tỉnh Sơn Tây (Trung Quốc), tỉnh Hwaseong (Hàn Quốc) và tỉnh TUV (Mông Cổ)...; tổ chức nhiều đoàn xúc tiến đầu tư tại Mỹ, một số nước tại Châu Âu, Châu Á; đón tiếp trên 100 đoàn khách nước ngoài, kiều bào đến thăm làm việc tại tỉnh đã góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh của tỉnh.

tranh hiệu quả với các âm mưu chống phá. Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh được chú trọng; tuyển quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu. Tỉnh đã tập trung xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, có cơ cấu hợp lý, chất lượng cao. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn được triển khai hiệu quả. Hàng chục nghìn lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia khắc phục thiên tai, cháy nổ, cứu nạn và phòng chống dịch Covid-19 được ghi nhận và đánh giá cao. An ninh, trật tự xã hội được đảm bảo; các phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc phát huy hiệu quả; an ninh chính trị ổn định, không phát sinh điểm nóng. Công tác điều tra tội phạm đạt hiệu quả cao. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được đẩy mạnh theo hướng chuyển đổi số; tăng cường lực lượng, cơ sở vật chất cho công an xã; tai nạn giao thông giảm cả về số vụ, số người chết và bị thương.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã đạt được kết quả quan trọng, khá toàn diện: **(i)** Kinh tế tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực; giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng nhanh; **(ii)** Thực hiện các nhiệm vụ đột phá đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác quy hoạch được triển khai đồng bộ, mở ra không gian phát triển mới cho tỉnh. Huy động nguồn lực đầu tư đạt nhiều kết quả quan trọng, thu hút nhiều dự án mới. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, hoàn thiện, nhất là hạ tầng giao thông kết nối; diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại. Quy mô, chất lượng nguồn nhân lực tiếp tục được cải thiện; **(iii)** Tài nguyên, khoáng sản được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả hơn; năng lực phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu được tăng cường; **(iv)** Công tác cải cách hành chính, sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn bộ máy được thực hiện đồng bộ, quyết liệt; xây dựng chính quyền số, xã hội số đạt kết quả tích cực; **(v)** Sự nghiệp văn hóa - xã hội, giáo dục đào tạo, y tế có tiến bộ; các giá trị văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy hiệu quả. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện; **(vi)** Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025: (1) Phú Thọ có 15/15 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu đề ra; (2) Vĩnh Phúc có 19/25 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu đề ra; (3) Hòa Bình có 15/19 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt mục tiêu đề ra.

2. Hạn chế, yếu kém

(i) Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các tỉnh đã đề ra⁹⁹. Tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách chưa bền vững, phụ thuộc chủ yếu vào một số sản phẩm chủ lực, đóng góp năng lực mới của khu vực FDI. Sản xuất nông nghiệp quy mô còn nhỏ, chất lượng, thương hiệu sản phẩm chưa cao, ứng dụng công nghệ còn hạn chế; chuyển đổi hình thức tổ chức liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn khó khăn. Công nghiệp chưa có sự đột phá, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, sản phẩm gia công, giá trị gia tăng thấp còn nhiều, phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI và Nhà máy thủy điện Hòa Bình. Tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế còn thấp; chất lượng dịch vụ chưa cao, còn mang tính thời vụ; sản phẩm du lịch chưa thực sự đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch; thị trường bất động sản còn khó khăn.

(ii) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ đột phá có nội dung còn hạn chế; môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự hấp dẫn nhà đầu tư; chưa có nhiều cơ chế, chính sách mang tính đặc thù, tạo sự đột phá. Hệ thống kết cấu hạ tầng một số khu vực còn thiếu đồng bộ; tiến độ một số công trình, dự án trọng điểm còn chậm; một số dự án tồn tại, kéo dài nhiều năm. Công tác bồi thường, GPMB vẫn là “điểm nghẽn”, ảnh hưởng tiến độ nhiều dự án. Doanh nghiệp tư nhân phát triển chậm, chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa. Cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực chuyển biến chậm, thiếu lao động có chuyên môn kỹ thuật cao; cơ cấu ngành, nghề và chất lượng đào tạo nghề ở một số cơ sở đào tạo còn bất cập; đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

(iii) Công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng, đô thị ở một số địa phương chưa chặt chẽ, còn xảy ra tình trạng vi phạm, chưa giải quyết dứt điểm. Phát triển mạng lưới cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn còn khó khăn, kết quả đạt được chưa cao. Chính trang đô thị, phát triển nhà ở xã hội còn chậm; tình trạng ngập úng cục bộ tại một số khu vực đô thị chưa được giải quyết dứt điểm. Công tác phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL đất đai, thực hiện Đề án thu gom, xử lý rác thải, xây dựng Nhà máy điện rác Trạm Thản, Nhà máy xử lý rác thải Lập Thạch còn chậm tiến độ so với yêu cầu; ô nhiễm môi trường ở một số nơi vẫn còn xảy ra, chưa được xử lý triệt để. Khoa học

⁹⁹ Tỉnh Phú Thọ: Chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển so với khu vực và cả nước; quy mô nền kinh tế nhỏ, sức cạnh tranh thấp. Khâu đột phá chưa có sự bứt phá lớn, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực chưa nhiều. Chất lượng một số lĩnh vực xã hội có mặt còn hạn chế. Tỉnh Vĩnh Phúc: Có 6/25 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, môi trường chủ yếu chưa đạt mục tiêu đề ra; tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, tỷ trọng ngành dịch vụ còn thấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường trong khu dân cư chưa được xử lý triệt để; phát triển mạng lưới cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn còn hạn chế. Chất lượng giáo dục đại trà chưa đồng đều giữa các cấp học và các địa phương. Nguồn nhân lực ngành y tế còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác xây dựng Đảng còn một số hạn chế; chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu; một số cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức, lối sống. Tỉnh Hòa Bình: Có 4/19 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, môi trường chủ yếu chưa đạt mục tiêu đề ra; kinh tế tăng trưởng chưa bền vững, quy mô nhỏ; kết quả thực hiện các đột phá chiến lược đạt hiệu quả chưa cao. Việc rà soát, ban hành cơ chế, chính sách có mặt chưa toàn diện; công tác cải cách hành chính đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu; môi trường đầu tư kinh doanh chậm được cải thiện; năng lực cạnh tranh còn thấp.

công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển chậm. Một bộ phận cán bộ năng lực, trình độ, ý thức trách nhiệm còn hạn chế. Một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu trách nhiệm, suy thoái về đạo đức, lối sống.

(iv) Phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế; ở một số nơi còn thiếu thiết chế văn hóa, thể thao. Năng lực y tế, chất lượng khám chữa bệnh còn chưa đồng đều, nhất là ở tuyến cơ sở; công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm còn hạn chế, nhiều thực phẩm không đảm bảo chất lượng còn xuất hiện trên thị trường. Số lượng giáo viên còn thiếu so nhu cầu. Quyền lợi của một bộ phận lao động chưa được đảm bảo; tình trạng nợ đọng, chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN còn ở mức cao. Đời sống, việc làm của một bộ phận người dân còn khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn ở mức cao. Tình hình an ninh xã hội, an ninh phi truyền thống tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; tội phạm công nghệ cao, lừa đảo trên không gian mạng có xu hướng gia tăng.

V. NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Nguyên nhân

1.1. Nguyên nhân kết quả đạt được

Thế chế, chính sách pháp luật được quan tâm hoàn thiện, tháo gỡ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ; sự phối hợp, ủng hộ, tạo điều kiện của các ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương và các địa phương bạn. Tinh thần đoàn kết, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ 03 tỉnh trước đây và của tỉnh Phú Thọ sau hợp nhất. Công tác quy hoạch và triển khai quy hoạch được thực hiện đồng bộ; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh; tiềm năng, lợi thế, nguồn lực được khai thác hiệu quả hơn. Chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện. Ý chí tự lực, tự cường, tinh thần vượt khó được khơi dậy mạnh mẽ.

1.2. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém

(i) Nguyên nhân khách quan: Tình hình thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới suy giảm và bất ổn. Một số chính sách, quy định của pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa sát thực tế. Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

(ii) Nguyên nhân chủ quan: Chưa khai thác hết các tiềm năng, lợi thế. Dự báo, nhận định tình hình chưa sát với thực tế, chưa lường hết những khó khăn, thách thức mới phát sinh. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi chưa quyết liệt, chưa sáng tạo. Nhiều yếu kém, bất cập tích tụ từ trước chưa được xử lý triệt để, gây hệ lụy kéo dài. Phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa kịp thời. Tinh

thần, trách nhiệm của một số người đứng đầu và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ chưa cao, có tình trạng né tránh, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm. Người đứng đầu một số cấp ủy, chính quyền chưa thể hiện vai trò tiên phong, thiếu gương mẫu, thiếu tu dưỡng phẩm chất đạo đức; mất đoàn kết nội bộ, có biểu hiện cục bộ địa phương, phe cánh, suy thoái về đạo đức, lối sống, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là: Chú trọng làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thường xuyên đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy đảng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp nêu cao tính tiên phong, gương mẫu đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân. Chấp hành nghiêm, cụ thể hóa kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Hai là: Bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ và hệ thống chính trị; mở rộng, phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan Đảng, chính quyền, Hội đồng nhân dân các cấp; phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ba là: Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải xác định rõ mục tiêu, có quyết tâm chính trị cao, quyết liệt, linh hoạt, sáng tạo; đề ra phương hướng, mục tiêu cao để phấn đấu, các nhiệm vụ, giải pháp cần có tầm nhìn dài hạn, toàn diện; chú trọng tổng kết thực tiễn, nhân rộng các điển hình, nhân tố mới; bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là: Dựa vào dân, phát huy quyền dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của Nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của Nhân dân; phải đặt lợi ích của Nhân dân lên trên hết, trước hết. Thực hiện nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

Năm là: Khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh để phát triển; tranh thủ tốt tiềm lực bên ngoài, tích cực hội nhập quốc tế nhưng phải dựa vào nội lực là chính. Quan tâm giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái và bảo đảm an sinh xã hội; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đối với người nghèo, các đối tượng chính sách, đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.